

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Hải Phương

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thu Hà

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP THANH TÙNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Hải Phương
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Trần Thị Thu Hà**

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Hải Phương.

Mã SV: 120763

Lớp: QT1203K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ
tổng hợp Thanh Tùng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Tìm hiểu lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

- Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.

- Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sưu tầm, lựa chọn số liệu, tài liệu năm 20011 tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

Số 3/72 Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thu Hà

Học hàm, học vị: Thạc Sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Nguyễn Hải Phương

Trần Thị Thu Hà

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

Sinh viên Nguyễn Hải Phương luôn có ý thức tốt, chịu khó nghiêm túc trong quá trình làm đề tài.

Chấp hành và luôn đúng các yêu cầu của giáo viên hướng dẫn.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Tác giả lựa chọn đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng” là phù hợp và có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn.

Kết cấu 3 chương khoa học hợp lý

Số liệu minh họa cụ thể rõ ràng

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

9.5 (Chín rưỡi)

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Thu Hà

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1 Doanh thu	3
1.1.2 Chi phí.....	3
1.1.3 Xác định kết quả kinh doanh.....	3
1.1.4 Ý nghĩa của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	5
1.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	5
1.2.1 Các nguyên tắc cơ bản kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	5
1.2.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	6
1.2.3 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	6
1.3 Tổ chức vận dụng, hệ thống sổ sách kế toán trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	34
1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung	34
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái	36
1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	37
1.3.4 Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ.....	37
1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	38

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG.....	39
2.1 Tổng quan về Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng.....	39
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng.....	39
2.1.2 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng.....	40
2.1.3 Đặc điểm tổ chức quản lý của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng	40
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng.....	42
2.2 Thực trạng về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng.....	48
2.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng.....	48
2.2.2 Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán	61
2.2.3 Tổ chức kế toán chi phí bán hàng	70
2.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	79
2.2.5 Kế toán chi phí tài chính	87
2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	94
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG	106
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng	106
3.1.1 Đánh giá chung.....	106
3.1.2 Ưu điểm.....	106

3.1.2 Hạn chế.....	107
3.2 Định hướng phát triển của Công ty trong năm 2011 – 2013.....	110
3.3 Sự cần thiết và một số nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng.....	111
3.4 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng.....	112
- Kiến nghị 1: Hoàn thiện công tác hạch toán đúng chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	112
- Kiến nghị 2: Hoàn thiện tổ chức vận dụng chứng từ kế toán.....	114
- Kiến nghị 3: Hoàn thiện tổ chức vận dụng sổ sách kế toán.....	114
- Kiến nghị 4: Hoàn thiện công tác kế toán tại công ty.....	118
- Kiến nghị 5: Về trích lập các khoản dự phòng.....	118
- Kiến nghị 6: Việc áp dụng kế toán máy.....	119
KẾT LUẬN	125
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	127

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Do sự phát triển của khoa học kỹ thuật công nghệ và do áp dụng những thành quả đó vào sản xuất kinh doanh mà nền công nghiệp trên thế giới phát triển như vũ bão. Cũng vì đó mà nhiều ngành nghề phát triển và mở rộng, nhiều doanh nghiệp thương mại và dịch vụ ra đời phát triển bên cạnh những doanh nghiệp sản xuất. Với tất cả các doanh nghiệp thì vấn đề hàng đầu mà doanh nghiệp nào cũng quan tâm đó là làm thế nào để lợi nhuận của doanh nghiệp đạt được là tối ưu. Để biết được điều đó thì bộ phận kế toán phải xác định được lợi nhuận thực hiện của doanh nghiệp. Do đó, muốn xác định được nhanh chóng và chính xác lợi nhuận thực hiện trong kỳ, đòi hỏi công tác hạch toán kế toán phải đầy đủ và kịp thời. Vì vậy kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một công việc hết sức quan trọng trong hệ thống kế toán của doanh nghiệp. Mọi hoạt động, mọi nghiệp vụ phát sinh trong doanh nghiệp đều được hạch toán để đi đến công việc cuối cùng là xác định kết quả kinh doanh, từ kết quả kinh doanh sẽ làm căn cứ cho nhà quản lý biết được quá trình hoạt động của doanh nghiệp có đạt hiệu quả hay không và lời lỗ thế nào từ đó định hướng cho tương lai. Trong nền kinh tế thị trường lợi nhuận vừa là điều kiện, vừa là một quá trình tái sản xuất mở rộng, nó quyết định sự tồn tại và phát triển các doanh nghiệp. Vì vậy có thể nói nhiệm vụ chính nói chung đối với các doanh nghiệp hoạt động trong cơ chế thị trường là sắp xếp bố trí hợp lý các nguồn lực mà doanh nghiệp có được, tổ chức sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả nhất để có thể tối đa hoá lợi nhuận.

Do đó em quyết định chọn đề tài: “ Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng”.

2. Mục đích nghiên cứu

- Hệ thống hoá lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại và dịch vụ

- Nắm bắt được thực trạng về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng
- Từ đó có thể rút ra những ưu điểm, nhược điểm của hệ thống kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty để đề xuất những kiến nghị nhằm từng bước hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1 Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

3.2 Phạm vi nghiên cứu: Đề tài chỉ nghiên cứu trong phạm vi hoạt động của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng. Đề tài được thực hiện từ ngày 02/04/2012 đến ngày 07/07/2012. Việc phân tích lấy số liệu của năm 2011

4. Phương pháp nghiên cứu

- Thu thập số liệu ở đơn vị thực tập
- Phân tích số liệu ghi chép trên sổ sách của đơn vị (sổ chi tiết, sổ tổng hợp, báo cáo tài chính)
- Phỏng vấn lãnh đạo của công ty, những người làm công tác kế toán
- Tham khảo một số sách chuyên ngành kế toán

5. Kết cấu của đề tài

Đề tài nghiên cứu gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

**CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC
CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

1.1 Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1 Doanh thu

Doanh thu là tổng hợp giá trị các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp thu được trong kì kế toán phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.2 Chi phí

Theo chuẩn mực số 01 “Chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính thì:

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác...mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kì nhất định

Chi phí sản xuất, kinh doanh: bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,...Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.

1.1.3 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm). Đây là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động kinh doanh khác.

+ Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được xác định theo công thức sau:

Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh thông thường	=	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí bán hàng và chi phí QLDN tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ
---	---	--	---	---------------------------	---	--	---	-------------------------	---	---

+ Kết quả hoạt động kinh doanh khác là kết quả từ hoạt động bất thường khác không tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi đã trừ đi khoản thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp nếu có) và chi phí khác:

$$\text{Lãi (lỗ) từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp	=	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh thông thường	+	Lợi nhuận từ hoạt động khác
--	---	---	---	--------------------------------

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	=	Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp	-	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
---	---	--	---	---------------------------------------

1.1.4 Ý nghĩa của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trong một nền kinh tế không có một doanh nghiệp nào có thể hoạt động tự cung tự cấp mà chúng hoạt động tập thể có mối quan hệ tương tác bù trừ, phụ thuộc hay cạnh tranh để tạo nên một nền kinh tế thị trường như: các doanh nghiệp đối tác, các nhà đầu tư, ngân hàng. Đặc biệt là các đối tác làm ăn bởi chính những vị khách này sẽ đem đến cho chúng ta những hợp đồng lớn với những thuận lợi cao mà chúng ta có thể thu nhập được

Tất cả các số liệu mà kế toán xác định kết quả kinh doanh cung cấp cho chúng ta để chúng ta có thể hiểu được tình hình phát triển của công ty ở mức nào (dựa vào kết quả lỗ, lãi) để từ đó chúng ta có thể đưa ra những biện pháp những chiến lược mới để cải tạo lại, thu hút những đối tác làm ăn, nhất là đối với các doanh nghiệp thương mại. Việc làm mới, làm phong phú thêm những điều khoản hấp dẫn để thu hút khách hàng đó là một điều không thể thiếu. Bên cạnh đó chúng ta cũng gặp khó khăn trong việc lựa chọn đường lối phương hướng phát triển tiếp theo.

Vậy nên ý nghĩa kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh vô cùng quan trọng vì từ đó doanh nghiệp cũng như công ty thấy được mặt mạnh và mặt yếu của mình để đưa ra quyết định kinh doanh hợp lý chính xác, hiệu quả.

1.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1 Các nguyên tắc cơ bản kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1.1 Các nguyên tắc khi kế toán doanh thu

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu: Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính thì doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn 5 điều kiện:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

1.2.1.2 Các nguyên tắc khi xác định kết quả kinh doanh

+ Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.

+ Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

+ Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

1.2.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Xác định được toàn bộ doanh thu và chi phí trong suốt một thời kỳ phát triển
- Xác định được kết quả lỗ, lãi của doanh nghiệp
- Thấy được sự phát triển của công ty là tốt hay xấu để từ đó có các biện pháp cụ thể nhằm hoàn thiện công tác kế toán.

1.2.3 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.3.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.3.1.1 Khái niệm

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** phát sinh từ giao dịch, sự kiện được xác định bởi thoả thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Thời điểm ghi nhận doanh thu:

Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận.

+ Đối với phương thức bán hàng, cung cấp dịch vụ thu tiền trực tiếp: doanh thu được ghi nhận ngay sau khi ký hợp đồng kinh tế và khách hàng thanh toán tiền.

+ Đối với phương thức bán hàng, cung cấp dịch vụ chưa thu tiền: doanh thu được ghi nhận sau khi khách hàng chấp nhận nợ.

❖ **Doanh thu nội bộ:** là những khoản thu do bán hàng và cung cấp dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp, đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới.

❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu:** Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp. được tính giảm trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

- **Chiết khấu thương mại:** là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ) với lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- **Hàng bán bị trả lại:** là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng kinh tế: như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hoá đơn (nếu trả lại một phần).

- **Giảm giá hàng bán:** là giảm trừ được bên bán (doanh nghiệp) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thoả thuận trên hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

- **Các loại thuế phải nộp Nhà nước:**

Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT là khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng, các khoản thuế này tính cho các đối tượng tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ phải chịu, cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ đó.

Thuế TTĐB: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp tiêu thụ những hàng hoá đặc biệt thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế TTĐB.

Thuế XK: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

Thuế GTGT trường hợp doanh nghiệp nộp theo phương pháp trực tiếp.

❖ **Doanh thu thuần:** Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ với các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.3.1.2 Chứng từ sử dụng

+ Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

+ Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

+ Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 – BH)

+ Thẻ quầy hàng (Mẫu 15 – BH)

+ Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo Có Ngân hàng,...)

+ Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

1.2.3.1.3 Tài khoản sử dụng

❖ **TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên Nợ:

+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

+ Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

+ Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

+ Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

+ Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;

+ Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 6 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hoá

+ Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm

+ Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

+ Tài khoản 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

+ Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

+ Tài khoản 5118: Doanh thu khác

❖ **TK 512 – “Doanh thu nội bộ”**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị

trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty theo giá bán nội bộ.

Bên Nợ:

+ Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;

+ Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ;

+ Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;

+ Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ, có 3 tài khoản cấp 2:

+ Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hoá

+ Tài khoản 5122: Doanh thu bán các thành phẩm

+ Tài khoản 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

❖ **TK 521 – “Chiết khấu thương mại”**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại. (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

Bên Nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

Bên Có:

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại, không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản này gồm 3 tài khoản cấp 3 như sau:

- TK 5211: Chiết khấu hàng hoá
- TK 5212: Chiết khấu thành phẩm
- TK 5213: Chiết khấu dịch vụ

❖ **TK 531 – “Hàng bán bị trả lại”**

Tài khoản này chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hoá đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào TK 641 “Chi phí bán hàng”.

Bên Nợ:

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

Bên Có:

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, hoặc tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

❖ **TK 532 – “Giảm giá hàng bán”**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Bên Nợ:

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có:

Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước;
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp;
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

Bên Có:

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp;
- Số thuế, phi, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Số dư bên Có:

Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

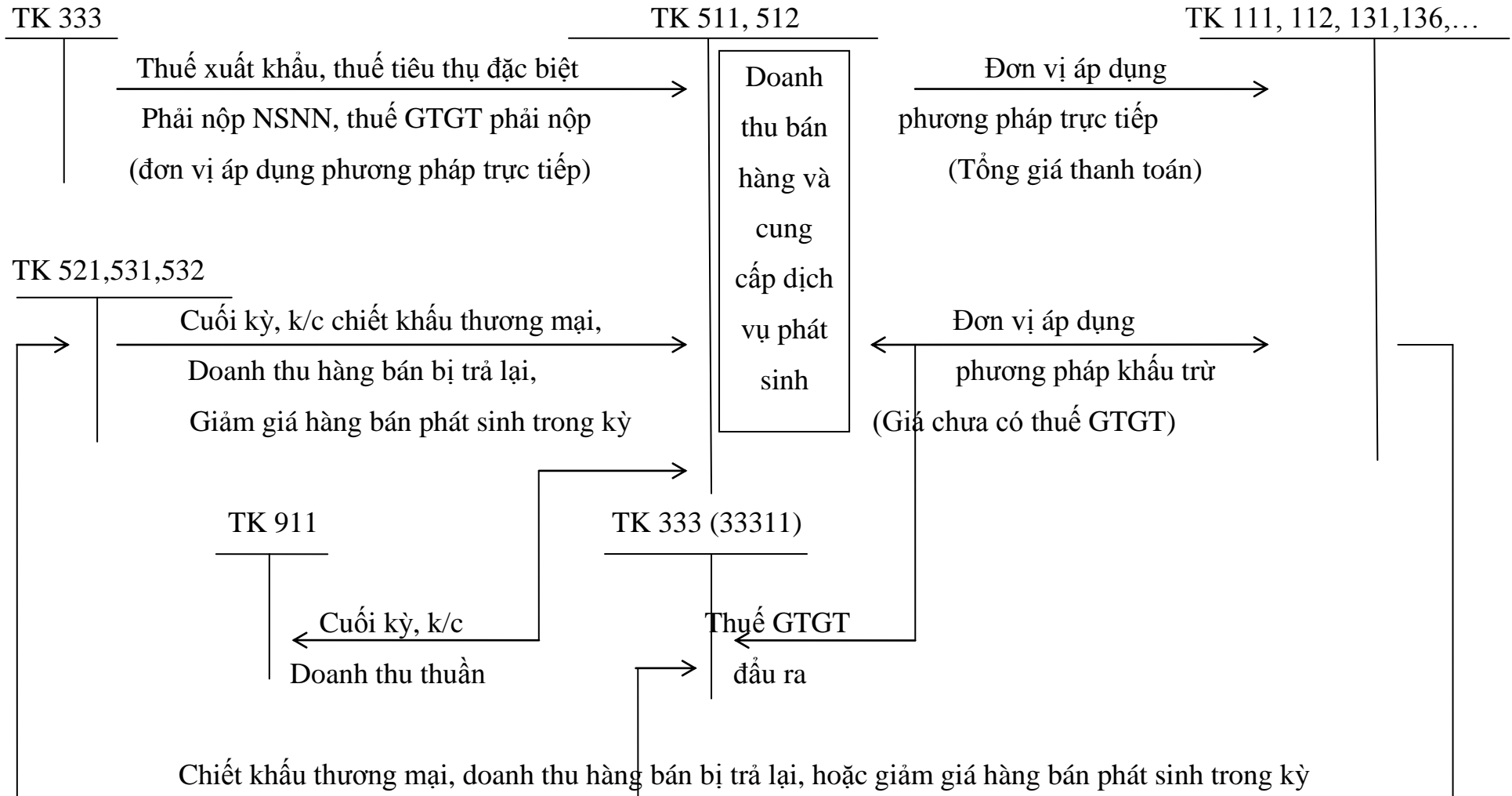
Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, gồm 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 3331 – Thuế GTGT phải nộp
- Tài khoản 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt
- Tài khoản 3333 – Thuế xuất khẩu

1.2.3.1.4 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.1

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.3.2 Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.2.1 Khái niệm

Trị giá vốn hàng bán là toàn bộ các chi phí liên quan đến quá trình bán hàng, gồm có trị giá vốn của hàng xuất kho để bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho hàng bán ra trong kỳ. Việc xác định chính xác trị giá vốn hàng bán là cơ sở để tính kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất: trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm hoàn thành.

+ Đối với doanh nghiệp thương mại: trị giá vốn của hàng xuất kho để bán bao gồm: trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

1.2.3.2.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 01 – GTGT – 322)

1.2.3.2.3 Tài khoản sử dụng

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kế khai thường xuyên sử dụng tài khoản: TK 632 - “Giá vốn hàng bán”

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kiểm kê định kỳ sử dụng tài khoản: TK 631 - “Giá thành sản xuất”, TK 632 - “Giá vốn hàng bán”.

❖ **Tài khoản 632 – “Giá vốn hàng bán”:** phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

- Trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Bên Nợ:

- **Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:**

+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ;

+ Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;

+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;

+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh:

+ Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;

+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;

+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ;

+ Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;

+ Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;

- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;

- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

• Trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại

Bên Nợ:

+ Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ.

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Bên Có:

- + Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được tiêu thụ;
- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;
- + Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ

Bên Nợ:

- + Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;
- + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- + Giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

Bên Có:

- + Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”;
- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;
- + Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

❖ Tài khoản 631 “Giá thành sản xuất”

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn,..trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Bên Nợ:

- + Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ;
- + Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

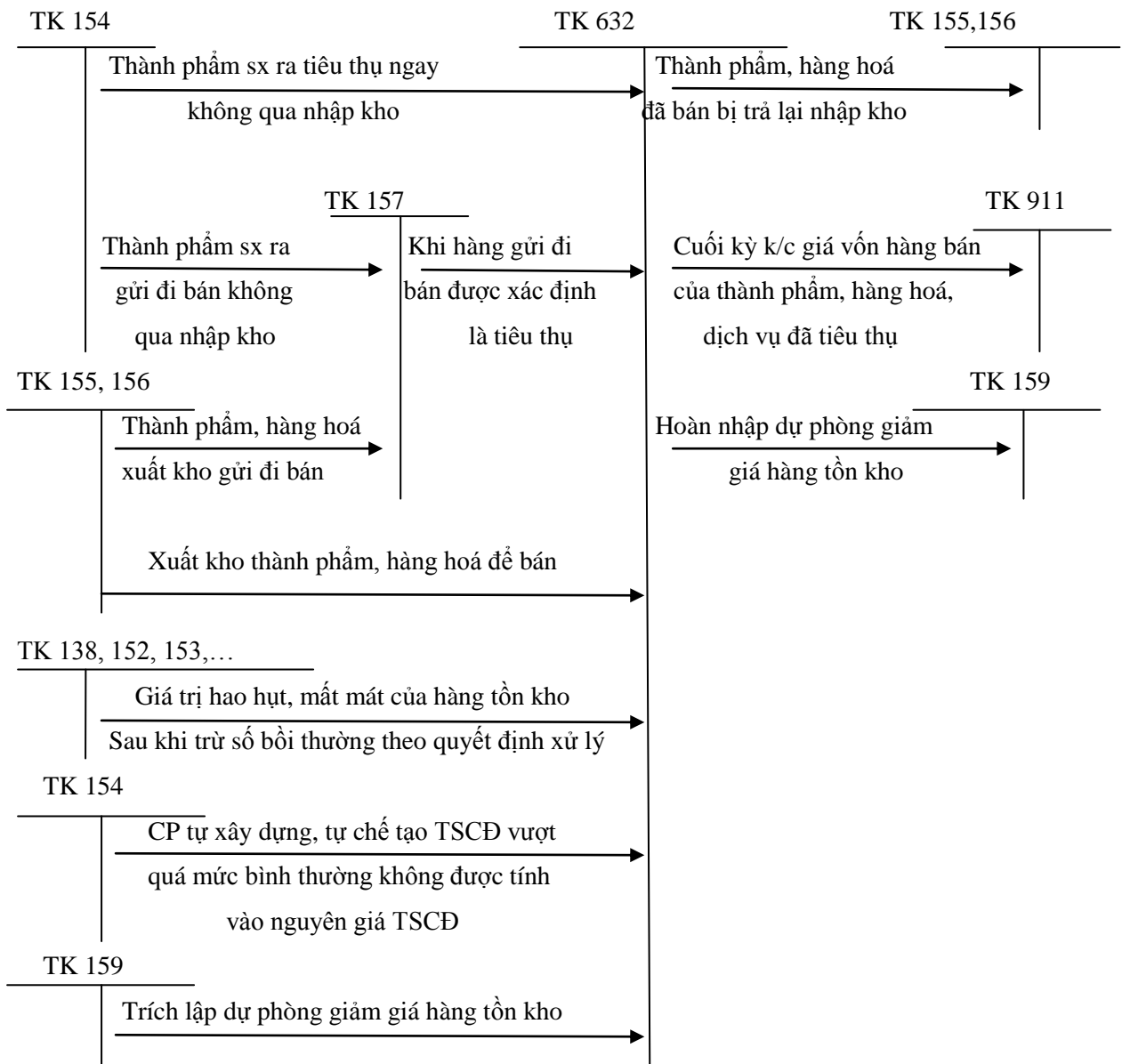
- + Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK 632 “Giá vốn hàng bán”.
- + Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang”.

Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.2.4 Phương pháp hạch toán

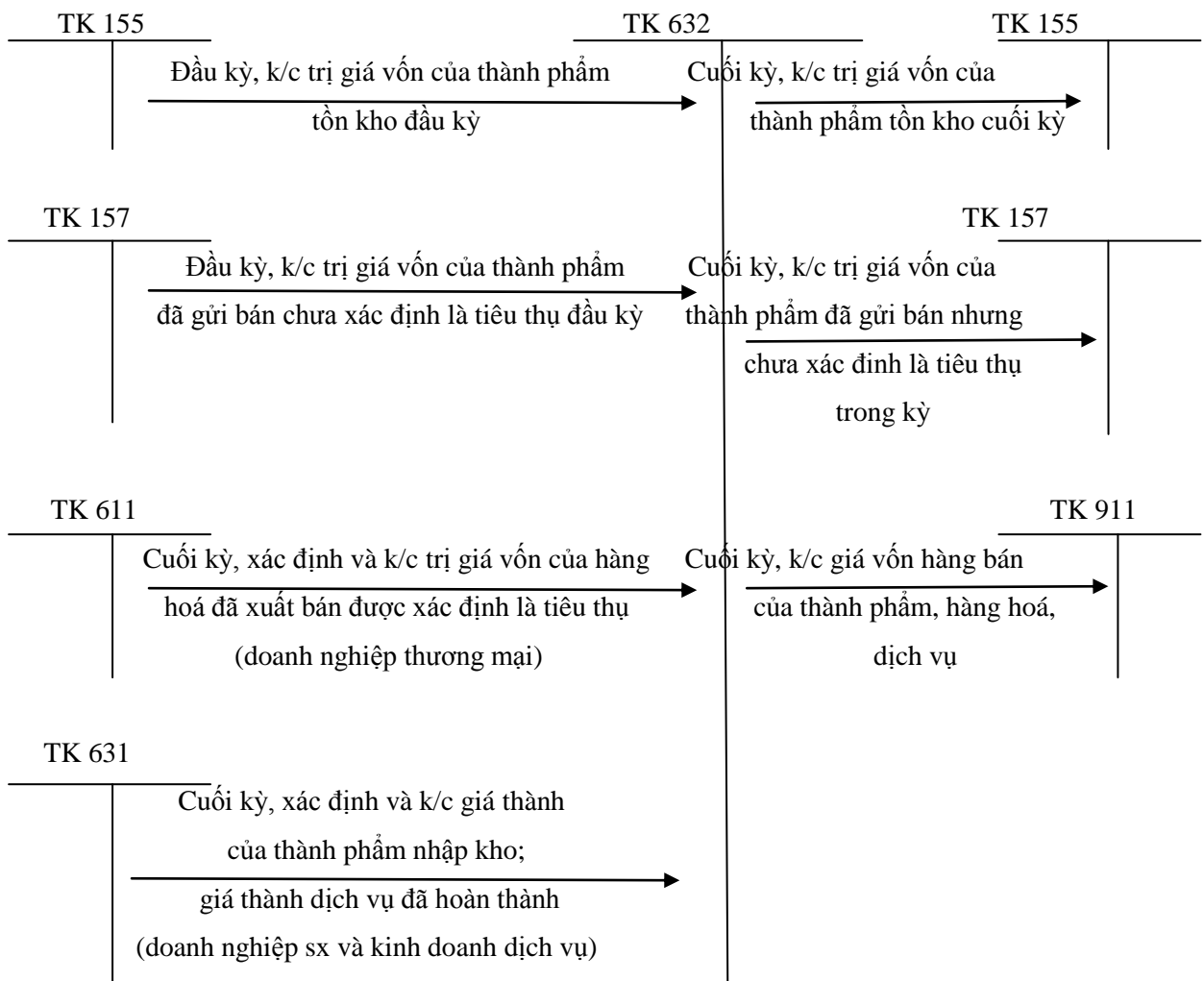
Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.2

Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.3

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.3.3 Kế toán chi phí bán hàng

1.2.3.3.1 Khái niệm

Chi phí bán hàng: Là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

1.2.3.3.2 Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL – Công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Các chứng từ gốc có liên quan.

1.2.3.3.3 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp.

Bên Nợ: Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Bên Có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 641, có 7 tài khoản cấp 2:

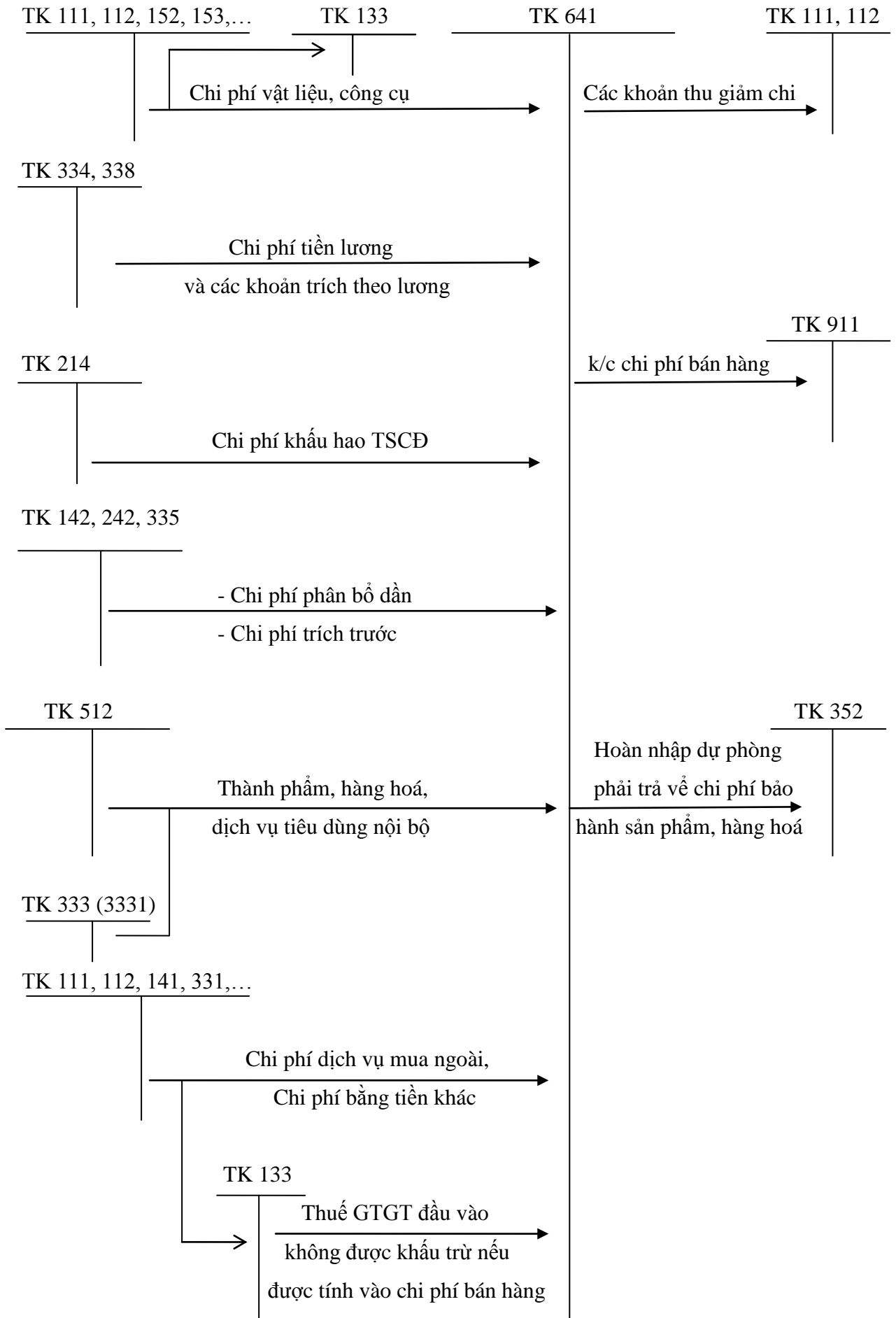
- Tài khoản 6411: Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415: Chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418: Chi phí bằng tiền khác

1.2.3.3.4 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng được thể hiện qua sơ đồ 1.4

Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí bán hàng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



1.2.3.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.4.1 Khái niệm

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là toàn bộ các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất...

1.2.3.4.2 Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL – Công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Các chứng từ gốc có liên quan.

1.2.3.4.3 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán

Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả;
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 642, có 8 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

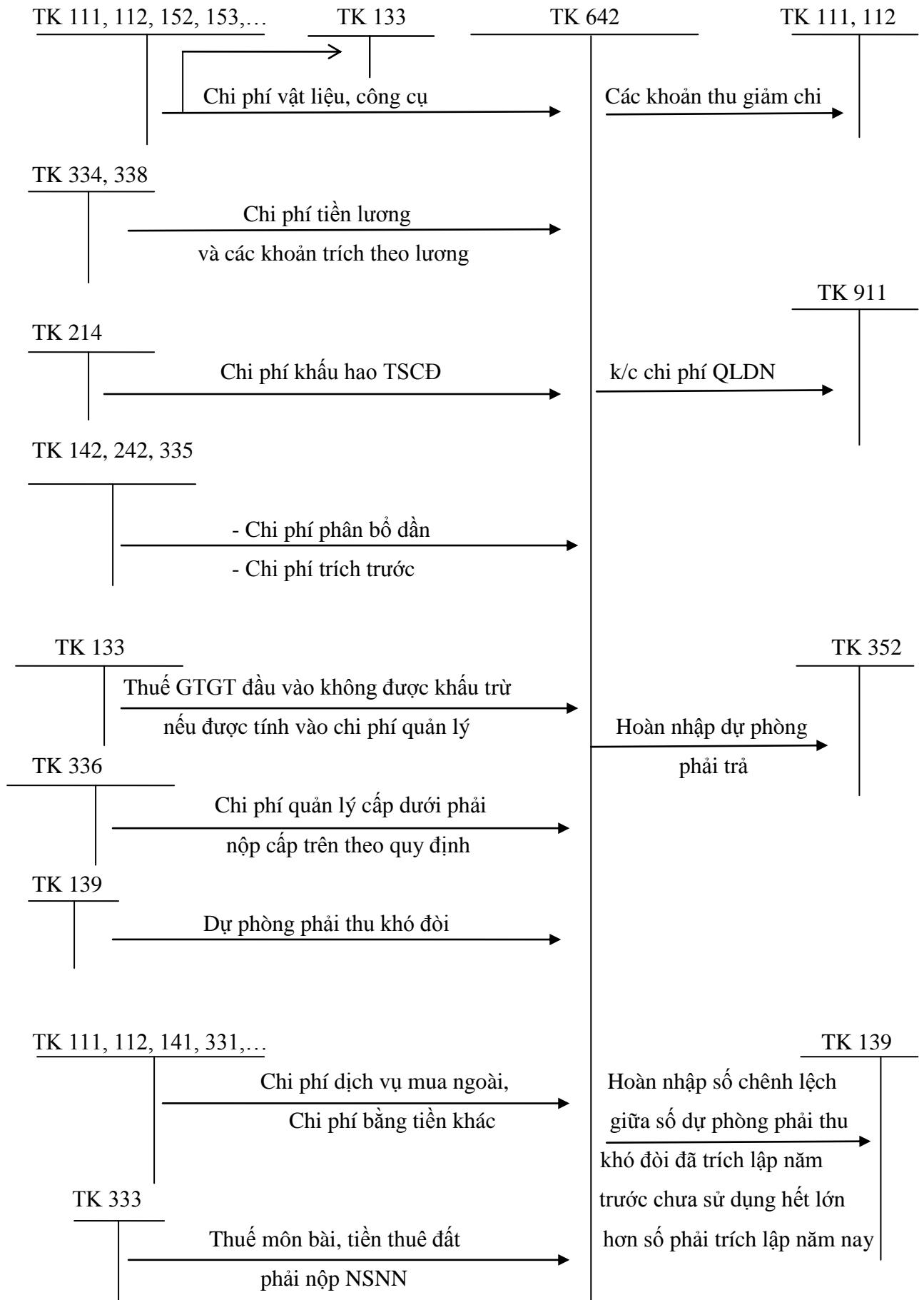
- Tài khoản 6425: Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428: Chi phí bằng tiền khác

1.2.3.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí QLDN được thể hiện qua sơ đồ 1.5

Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



1.2.3.5 *Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính*

1.2.3.5.1 *Khái niệm*

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

❖ **Chi phí tài chính:** là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp.

1.2.3.5.2 *Chứng từ sử dụng*

- Giấy báo Nợ, giấy báo Có của Ngân hàng
- Phiếu thu, phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Các hợp đồng vay.

1.2.3.5.3 *Tài khoản sử dụng*

❖ **TK 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;

- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;

- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu hoạt động tài chính;

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

❖ **TK 635 – “Chi phí tài chính”**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);

- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);

- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;

- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

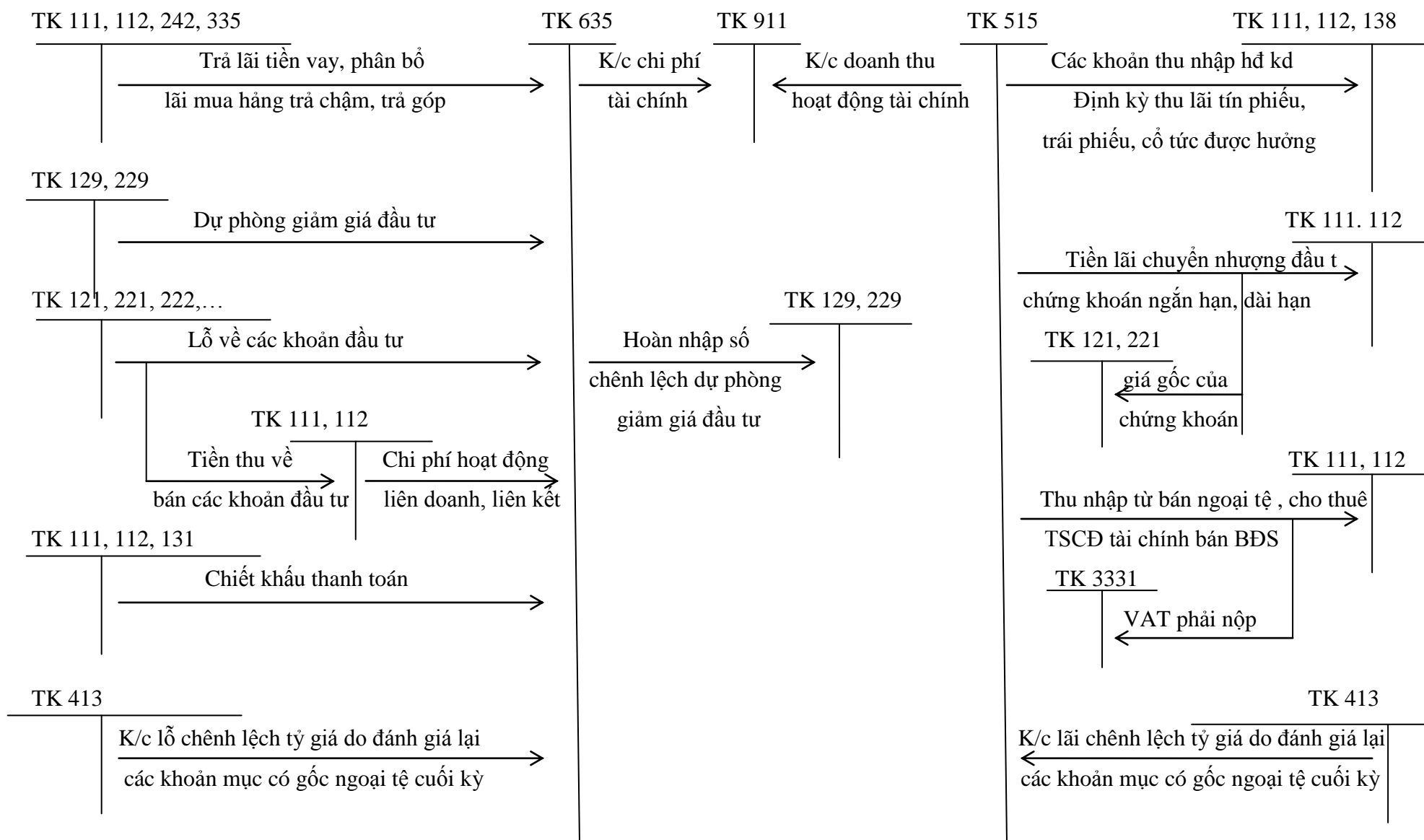
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.5.4 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.6

Sơ đồ 1.6 : Kế toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính



1.2.3.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.3.6.1 Khái niệm

❖ **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

❖ **Chi phí khác:** Là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

1.2.3.6.2 Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01GTKT – 3LL)
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu (Mẫu số 02 – TT), giấy uỷ nhiệm chi, giấy báo Có của ngân hàng,...
- Các chứng từ liên quan khác: biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế...

1.2.3.6.3 Tài khoản sử dụng

❖ **Tài khoản 711 “Thu nhập khác”**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Tài khoản 811 “Chi phí khác”**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Bên Nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh

Bên Có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

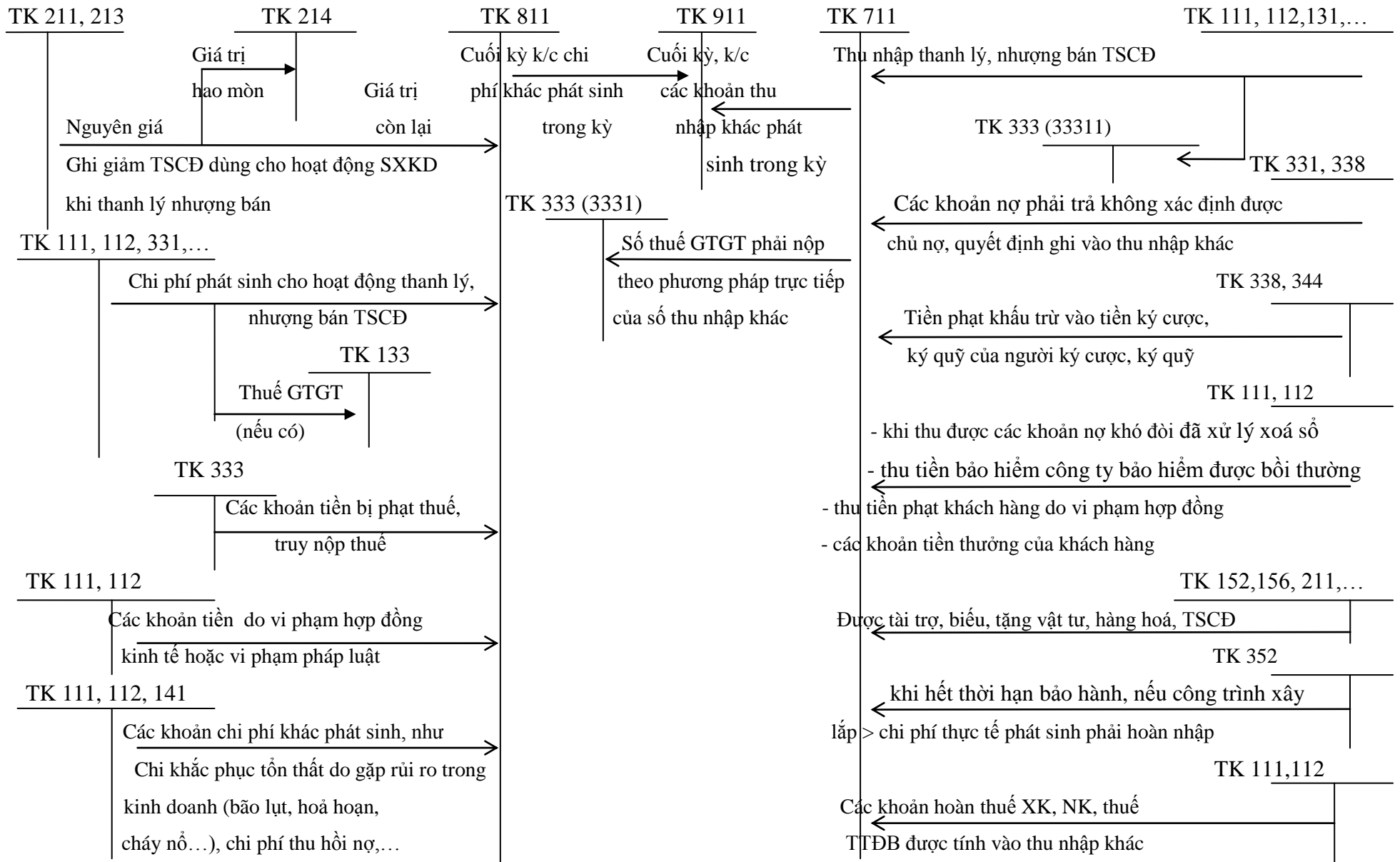
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.6.4 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ 1.7

Sơ đồ 1.7: kế toán thu nhập khác và chi phí khác

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



1.2.3.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.3.7.1 Khái niệm

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư...), chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.2.3.7.2 Chứng từ sử dụng: phiếu kế toán

1.2.3.7.3 Tài khoản sử dụng

❖ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

❖ TK 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí

thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập hiện hành đã ghi nhận trong năm;
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;
- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);

- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 – “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 821, có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;

- TK 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

❖ **TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;

- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh;

- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;

- Nộp lợi nhuận cho cấp trên.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;

- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù;

- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

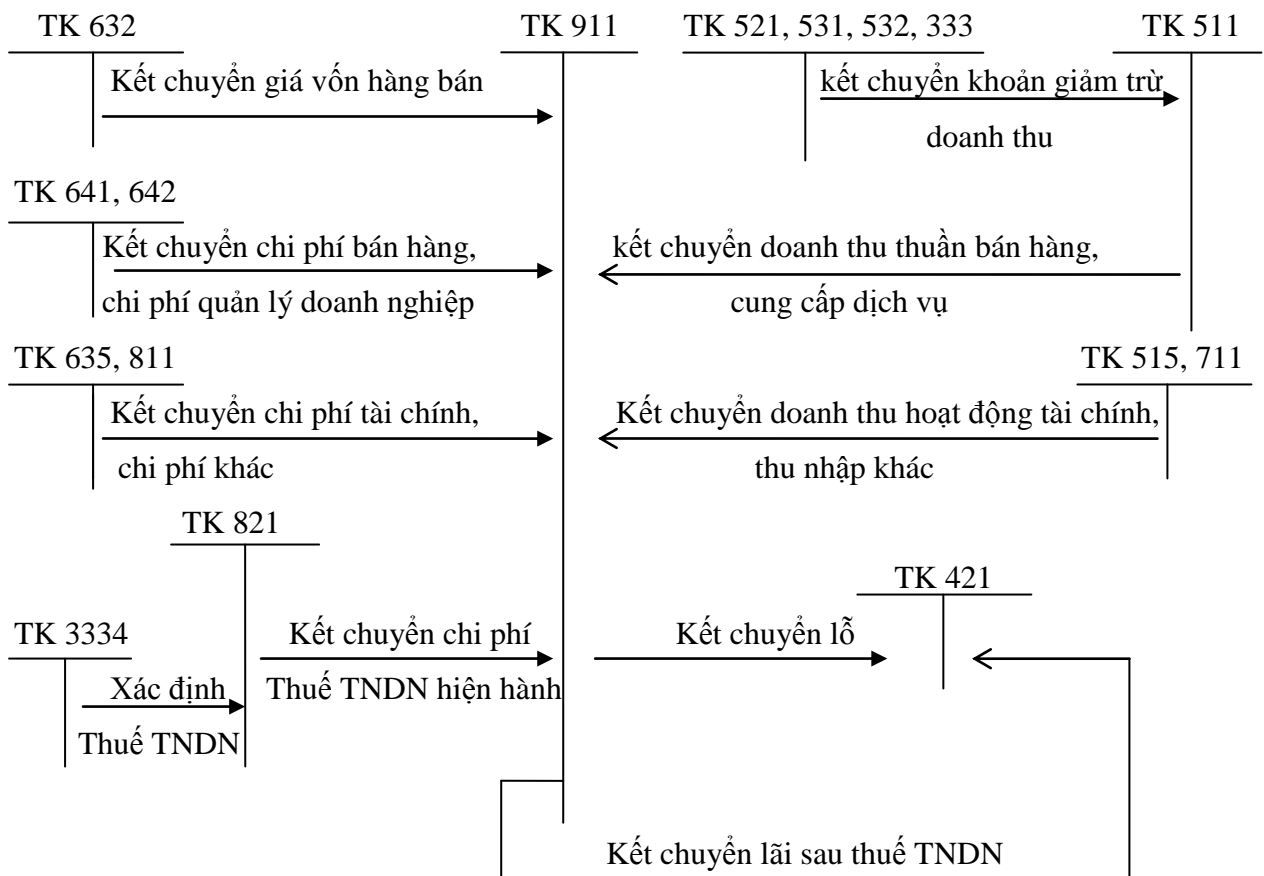
Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

1.2.3.7.4 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ 1.8

Sơ đồ 1.8: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3 Tổ chức vận dụng, hệ thống sổ sách kế toán trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.3.1 Hình thức kế toán nhật ký chung

1.3.1.1 Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định

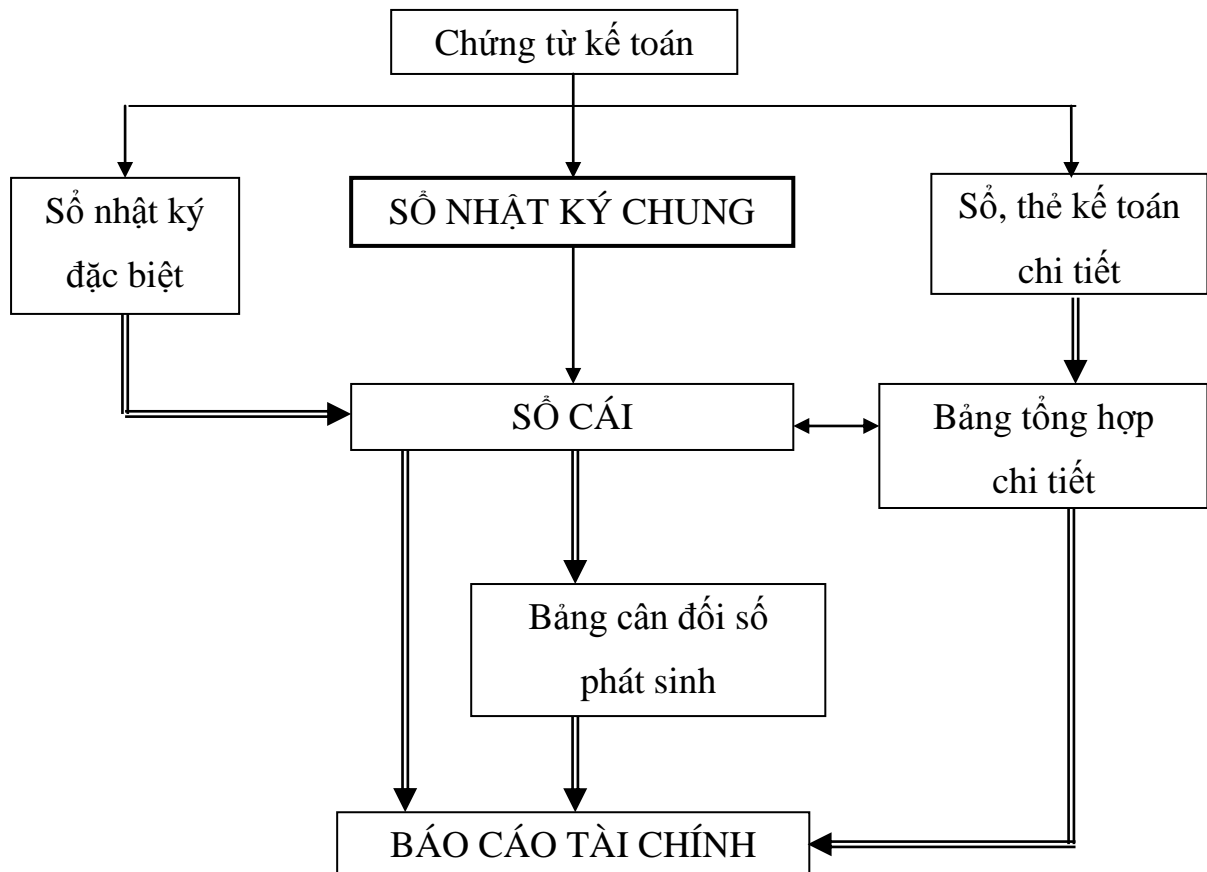
khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung (Mẫu số S03a-DNN), Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái (Mẫu số S03b-DNN)
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.1.2 *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung*
(sơ đồ 1.9)

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-->

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10...ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh nợ và Tổng có phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.4 Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ:

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đổ theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá cá nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập các báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Chứng từ;
- Bảng kê;

- Sổ Cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay thủ công.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG

2.1 Tổng quan về Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

- Tên đầy đủ của Công ty: Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Thanh Tùng
- Tên viết tắt của công ty: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng
- Địa chỉ trụ sở chính: số 3/73 Lương Khánh Thiện - Ngô Quyền - Hải Phòng
- Điện thoại: 0313855949 MST: 0200453462
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn
- Giám đốc Doanh nghiệp: Lê Văn Tường
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng, tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ vận tải Thanh Tùng, được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0202002469 vào ngày 28 tháng 02 năm 2004.

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng được thành lập cuối năm 2005. Mặc dù những năm đầu gặp rất nhiều khó khăn do mới thành lập và chưa có tên tuổi trên thị trường nhưng Công ty đã cố gắng từng bước đi lên và có những kết quả nhất định.

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng là một công ty nhỏ với ngành nghề kinh doanh là kinh doanh dịch vụ vận tải, kinh doanh vật liệu xây dựng, xuất nhập khẩu hàng hoá... rất cần cho các công trình, cho các doanh nghiệp kinh doanh buôn bán, sản xuất hàng hoá, công ty đã ngày càng phát triển và hoạt động ngày càng hiệu quả hơn. Ngoài ra công ty còn đầu tư các máy vi tính hiện đại được nối mạng để phục vụ cho việc kinh doanh.

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng khi mới ra đời mang tên công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải Thanh Tùng, với ngành nghề kinh doanh chính là vận tải. Để mở rộng thị trường, đẩy nhanh sự phát triển của mình, đồng thời tạo được uy tín lâu dài, công ty đã đưa ra những mục tiêu kinh doanh sau:

- Vận chuyển hàng hoá đảm bảo an toàn, chất lượng cao, không làm ảnh hưởng tới việc xuất tàu cũng như xếp dỡ hàng hoá của khách hàng.

- Làm nhanh gọn tiết kiệm tối đa các chi phí về chứng từ thông quan hàng hoá cho khách hàng

Đối với những khách hàng là những đối tác làm ăn lâu dài với những lô hàng có khối lượng lớn, giá trị cao Công ty sẽ giảm các chi phí làm hàng, giảm giá cước vận chuyển đồng thời vận chuyển hàng hoá cho khách hàng đúng thời gian quy định.

Bắt đầu từ tháng 01/2009, Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải Thanh Tùng chính thức đổi tên thành công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng, mở rộng thêm nhiều loại hình dịch vụ khác ngoài dịch vụ vận tải, để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng phong phú của thị trường, đồng thời tạo thêm cơ hội để công ty phát triển vững mạnh.

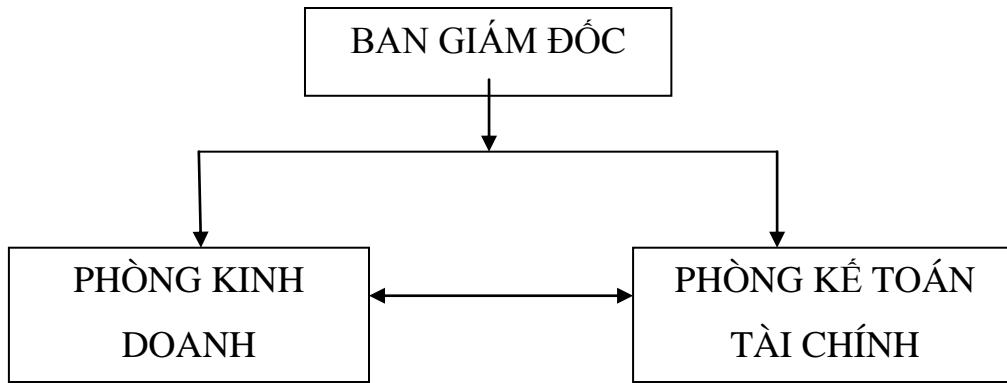
2.1.2 Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

Nghành nghề kinh doanh chính của công ty là:

- Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hoá, hành khách thuỷ, bộ
- Hoạt động kho vận, dịch vụ khai thuế hải quan, dịch vụ xếp dỡ đóng gói
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, máy nổ, phụ tùng, vật liệu xây dựng

2.1.3 Đặc điểm tổ chức quản lý của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

Sơ đồ 2.1: Bộ máy của Công ty



→ : Quan hệ lãnh đạo

↔ : Quan hệ hỗ trợ qua lại

+ Ban giám đốc:

Bao gồm một Giám đốc và một Phó giám đốc. Đây là bộ phận nòng cốt của công ty, là ban lãnh đạo của công ty, những người trực tiếp kí kết các hợp đồng cho Công ty; lập kế hoạch hoạt động kinh doanh, thu thập thông tin để tổ chức thực hiện phương án kinh doanh và tiến hành kiểm tra, kiểm soát kết quả hoạt động của Công ty. Ban lãnh đạo làm nhiệm vụ điều hành công ty. Ban giám đốc công ty bao gồm: Giám đốc, các phó giám đốc...

Ban giám đốc có trách nhiệm giải quyết những công việc liên quan đến tồn thất thiệt hại công ty ở tầm quan trọng. Trong quá trình thực hiện các yêu cầu của ban Giám đốc, bộ phận nào có khó khăn trở ngại phải thông báo kịp thời để Ban lãnh đạo biết để xử lý và có ý kiến chỉ đạo cần thiết.

+ Phòng kinh doanh:

Đứng đầu là trưởng phòng kinh doanh là người nhận được sự chỉ đạo của Ban giám đốc về lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Phòng kinh doanh nhận được các hợp đồng các chứng từ liên quan đến việc làm thủ tục hải quan cho lô hàng và vận chuyển các lô hàng. Mọi nhân viên trong phòng kinh doanh có trách nhiệm trong việc thực hiện các kế hoạch đã nhận được. Đây là bộ phận trực tiếp triển khai và thực hiện, tất cả các chứng từ mà khách hàng chuyển đến phải đảm bảo tính hợp lý và đầy đủ.

+ Phòng kế toán tài chính

Phòng kế toán tài chính của Công ty đứng đầu là kế toán trưởng, dưới kế toán trưởng là các kế toán viên, cũng chịu sự chỉ đạo giám sát của Ban giám đốc.

Bộ phận kế toán trong Công ty có chức năng phản ánh và giám sát một cách liên tục và toàn diện các hiện tượng tài chính phát sinh trong quá trình kinh doanh của đơn vị. Còn một chức năng vô cùng quan trọng nữa của kế toán là chức năng cung cấp thông tin. Thông qua việc thu thập các thông tin về các sự kiện kinh tế tài chính, xử lý thông tin bằng khoa học của mình, kế toán cung cấp thông tin cụ thể về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của đơn vị cho các đối tượng sử dụng thông tin khác nhau để các nhà lãnh đạo nắm được kết quả kinh doanh của Công ty trong suốt thời gian qua, đồng thời ra được các quyết định đúng đắn kịp thời.

Phòng kinh doanh và phòng tài chính kế toán có mối quan hệ mật thiết với nhau, hỗ trợ nhau trong mọi hoạt động của công ty. Các hợp đồng được kí kết, các loại giấy tờ chứng từ của phòng kinh doanh sẽ là cơ sở số liệu để phòng kế toán thực hiện chính xác công tác kế toán, lập các báo cáo tài chính.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

2.1.4.1 Hình thức tổ chức công tác kế toán của Công ty

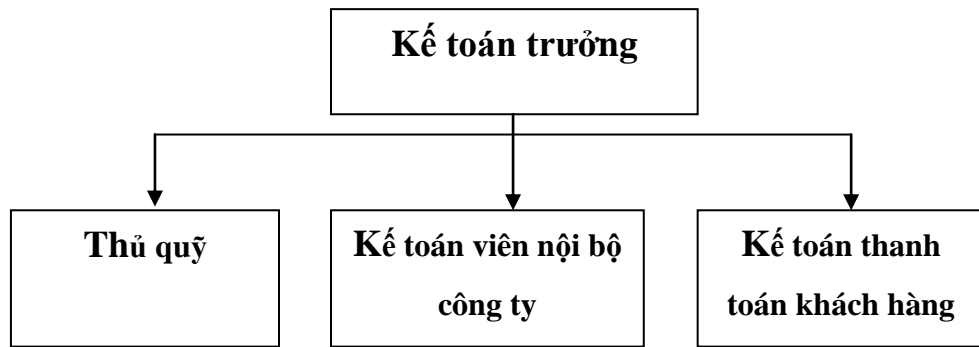
Việc tổ chức, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, nội dung công tác kế toán công ty do bộ phận kế toán đảm nhiệm. Vì vậy việc tổ chức cơ cấu bộ máy kế toán sao cho hợp lý, gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả là điều kiện quan trọng để cung cấp thông tin kế toán một cách kịp thời, chính xác, trung thực và đầy đủ, hữu ích cho đối tượng sử dụng thông tin, đồng thời phát huy và nâng cao trình độ nghiệp vụ, năng suất lao động của nhân viên kế toán. Tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng, việc tổ chức công tác kế toán được tiến hành theo hình thức tập trung dưới sự phân công và quản lý của kế toán trưởng.

Sự phân cấp quản lý về tài chính sẽ giúp cho việc thu thập thông tin và xử lý một cách dễ dàng hơn, hiệu quả hơn đồng thời giải quyết được những vướng mắc trong kinh doanh. Từ đó Ban Giám đốc có sự phân công hợp lý từng người ở những bộ phận khác nhau một cách khoa học và hợp lý.

2.1.4.2 Bộ máy kế toán của Công ty

Bộ máy kế toán của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng được tổ chức theo hình thức “kế toán tập trung”.

Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán Công ty



+ Đặc điểm bộ máy kế toán:

Bộ phận kế toán trong Công ty có chức năng phản ánh và giám sát một cách liên tục và toàn diện các hiện tượng tài chính phát sinh trong quá trình kinh doanh của đơn vị. Còn một chức năng vô cùng quan trọng nữa của kế toán là chức năng cung cấp thông tin. Thông qua việc thu thập các thông tin về các sự kiện kinh tế tài chính, xử lý thông tin bằng khoa học của mình, kế toán cung cấp thông tin cụ thể về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của đơn vị cho các đối tượng sử dụng thông tin khác nhau để các nhà lãnh đạo nắm được kết quả kinh doanh của Công ty trong suốt thời gian qua, đồng thời ra được các quyết định đúng đắn kịp thời.

+ Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty:

Kế toán trưởng: Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm trực tiếp đối với Ban giám đốc về tình hình kế toán của công ty. Kế toán trưởng có trách nhiệm theo dõi hoạt động kế toán của công ty và cũng là kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty.

Kế toán viên nội bộ công ty: có trách nhiệm thu thập các chứng từ vận chuyển của lái xe đưa về hàng ngày, các chứng từ về mua bán nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng. Tính giá cước vận chuyển của mỗi tuyến đường, tính các chi phí

cần thiết đi đường cho lái xe. Thu thập các giấy tờ thủ tục hải quan chuyên qua cho kế toán thanh toán khách hàng. Kế toán viên nội bộ có trách nhiệm thu thập các chứng từ sửa chữa thay thế các phụ tùng cho xe đi đường. Chuyển giao các phiếu thanh toán tiền sửa chữa để cho thủ quỹ chi.

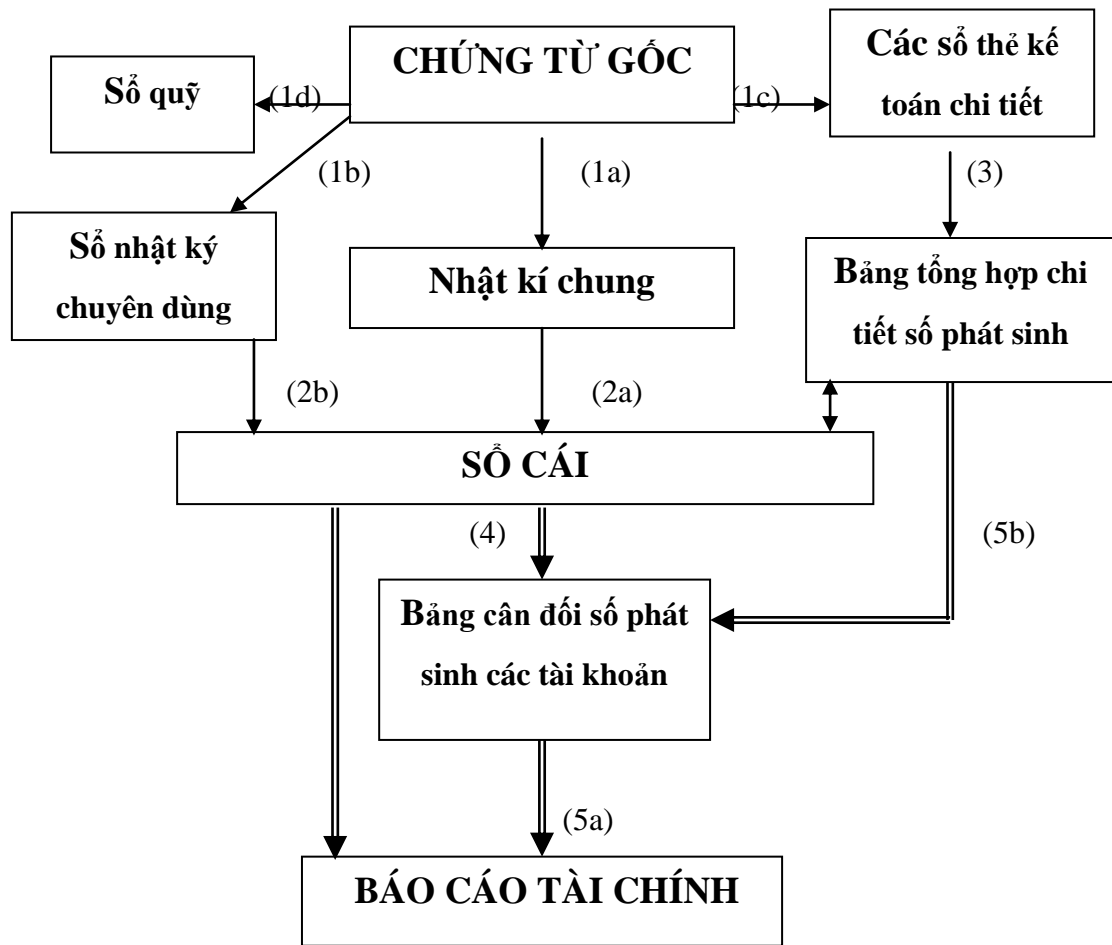
Kế toán thanh toán với khách hàng: hàng ngày từ các chứng từ mà kế toán viên nội bộ công ty cung cấp kế toán thanh toán với khách hàng lên các bảng quyết toán toàn bộ chi phí hàng hoá cũng như cước vận chuyển cho các khách hàng. Khách hàng sau khi đã nhận đầy đủ các chứng từ và các bảng quyết toán chi tiết từng lô hàng sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty. Kế toán thanh toán khách hàng có trách nhiệm thu tiền của khách hàng nộp về cho thủ quỹ.

Thủ quỹ: Thủ quỹ kiêm luôn công việc của thủ kho. Hàng ngày có trách nhiệm lập các phiếu chi tiền mà kế toán viên nội bộ công ty chuyển sang. Lập các chứng từ phiếu thu tiền từ các khách hàng mà kế toán thanh toán với khách hàng chuyển qua.

2.1.4.3 Hình thức kế toán của Công ty

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

Sơ đồ 2.3: sơ đồ luân chuyển chứng từ kế toán



Thuyết minh:

(1a): Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, định khoản kế toán ghi vào nhật kí chung

(1b): Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, định khoản kế toán ghi vào nhật ký chuyên dùng

(1c): Các chứng từ gốc có liên quan đến các đối tượng kế toán chi tiết ghi vào các sổ thẻ kế toán chi tiết

(1d) Các chứng từ gốc có liên quan đến thu chi tiền mặt ghi vào sổ quỹ

(2a): Hàng ngày số liệu trên các trang nhật ký chuyên dùng ghi vào sổ cái một lần

(2b): Cuối kỳ tổng hợp số liệu trên các trang nhật ký chuyên dùng ghi vào sổ cái một lần

(3): Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên các sổ thẻ kế toán chi tiết lập bảng chi tiết số phát sinh các tài khoản

(4): Cuối kì kế toán khoá sổ cái, tiến hành lập bảng đối chiếu số phát sinh các tài khoản

(5a), (5b): Cuối kỳ căn cứ vào số liệu bảng đối chiếu số phát sinh các tài khoản và số liệu bảng tổng hợp chi tiết số phát sinh, kế toán lập bảng cân đối kế toán và các báo cáo tài chính – kế toán khác.

Ghi chú:

- ↔ : Đối chiếu kiểm tra
- : Ghi hàng ngày
- ⇒ : Ghi cuối tháng

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

2.1.4.4 Các chế độ và phương pháp kế toán công ty áp dụng:

a) Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Hệ thống chứng từ kế toán của công ty được lập theo mẫu quy định của Bộ Tài Chính.

Hệ thống các chứng từ kế toán thống nhất bắt buộc bao gồm:

- Các loại hoá đơn: Hoá đơn mua hàng, hoá đơn bán hàng...
- Phiếu thu và phiếu chi

- Bảng thanh toán tiền lương

Hệ thống các chứng từ kế toán hướng dẫn nội bộ Công ty sử dụng:

- Phiếu đề nghị cấp dấu

- Biên bản giao nhận hàng hoá

- Giấy đề nghị sửa chữa

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho

Hệ thống sổ kế toán được sử dụng trong công ty là: sổ cái các tài khoản, sổ nhật kí, các sổ, thẻ chi tiết,...

Hệ thống Báo cáo tài chính của công ty được lập theo quy định hiện hành của nhà nước bao gồm 4 biểu mẫu báo cáo sau:

- Bảng cân đối kế toán

Mẫu số B01 - DNN

- Bảng kết quả hoạt động kinh doanh

Mẫu số B02 - DNN

- Lưu chuyển tiền tệ

Mẫu số B03 - DNN

- Thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B09 - DNN

b) Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài Chính.

c) Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được đánh giá theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho gồm: giá mua, chi phí thu mua, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

d) Phương pháp tính thuế GTGT: Thuế GTGT được tính theo phương pháp khấu trừ

e) Niên độ kế toán ở Công ty là một năm, ngày bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc là ngày 31/12 hàng năm.

f) Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi đồng tiền khác: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam đồng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ

2.2 Thực trạng về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

2.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

2.2.1.1 Đặc điểm doanh thu hàng bán

Doanh thu tại Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá vật tư, thiết bị, máy nồ, phụ tùng, vật liệu xây dựng:

- + Que hàn
- + Sơn các loại
- + Khoá các loại
- + Bu lông các loại
- + Cân đồng hồ
- + Dây thép các loại
- + Sơn Kim Cương
- + Toa varnish
- + Đinh các loại
- + Đinh vít xoáy

2.2.1.2 Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế,
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT-3LL)
- Hoá đơn bán hàng (sử dụng trong các doanh nghiệp tính và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ), biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán, phiếu thu, lệnh chuyển Có
- Các chứng từ liên quan khác

2.2.1.3 Sổ sách sử dụng

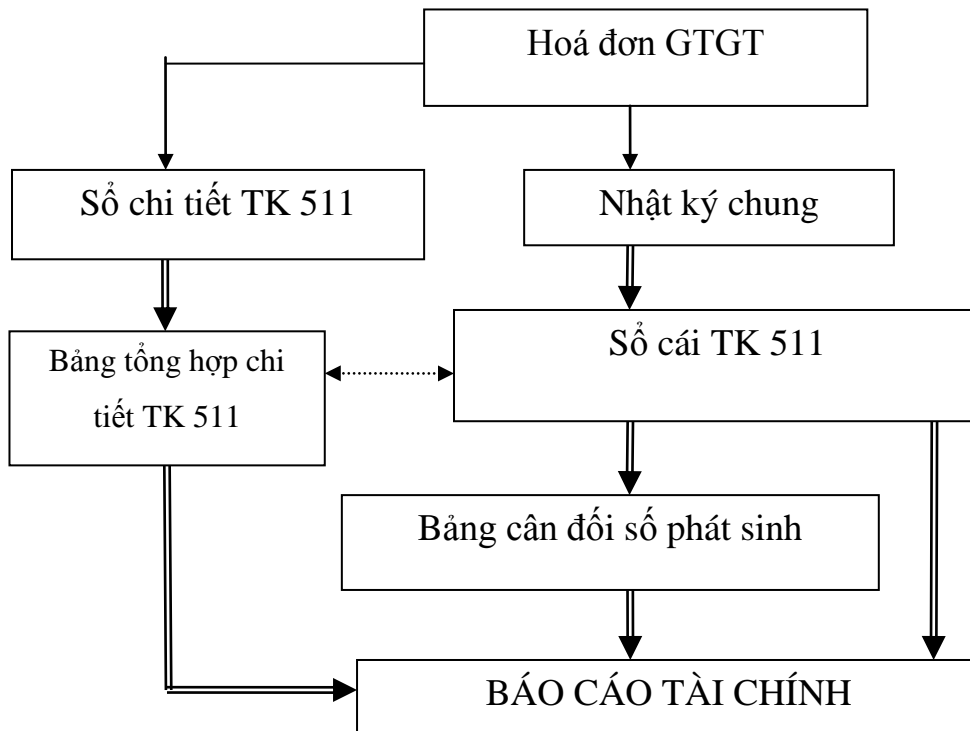
- Sổ Nhật ký chung (mẫu số S03a-DNN)
- sổ cái tài khoản 511 (mẫu số S03b-DNN)
- Bảng kê bán hàng hoá
- Sổ chi tiết tài khoản 511

2.2.1.4 Tài khoản sử dụng

- TK 511: Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ
 - + TK 5111 - Doanh thu bán hàng hoá
 - + TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
 - + TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - + TK 5118 – Doanh thu khác
- Ngoài ra có các TK liên quan: TK 111, 112, 131, 3331, 911...

2.2.1.5 Trình tự hạch toán

Sơ đồ 2.4: trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Chú thích:

- Ghi hàng ngày: →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ↔

- Hàng ngày kế toán tập hợp hóa đơn GTGT bán hàng, hoặc hợp đồng mua bán... làm căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết các tài khoản 511. Sau đó ghi vào sổ cái tài khoản 511

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm tiến hành tổng hợp số liệu ở sổ cái làm bảng cân đối số phát sinh. So sánh đối chiếu số liệu ở sổ cái 511 với bảng tổng hợp để làm báo cáo tài chính.

2.2.1.6 Ví dụ

❖ Ngày 04/12/2011, Công ty bán 42 chiếc khoá Việt Tiệp cho Công ty Cổ phần xây dựng và Đầu tư Hạ tầng, đơn giá chưa thuế 400.000 đ/chiếc, khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hợp đồng mua bán và phiếu giao hàng, kế toán viết hóa đơn số 0098217 (bao gồm chứng từ kèm theo).

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 1111:	18.480.000
Có TK 5111:	16.800.000
Có TK 33311:	1.680.000

Hoá đơn được lập thành 03 liên giống nhau bằng giấy than

Liên 1: lưu tại gốc

Liên 2: giao cho khách hàng


Liên 3: lưu nội bộ

Hoá đơn như sau (biểu số 2.1):

Biểu số 2.1

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		AA/2011 P
Liên 3: Nội bộ		0098217
Ngày: 4 tháng 12 năm 2011		
Đơn vị bán hàng:	CTY TNHH THƯƠNG MẠI DV-TH THANH TÙNG	
Địa chỉ:	3/73 Lương Khánh Thiện - Hải Phòng	
Số tài khoản:	MST: 0 2 0 0 4 5 3 4 6 2	
Điện thoại:	MS:	
Họ tên người mua hàng:		
Tên đơn vị:	Công Ty CP Xây Dựng và Đầu tư Hạ Tầng	
Địa chỉ:	Số 274 - Hà Năng - Ngô Quyền - Hải Phòng	
Số tài khoản:		
Hình thức thanh toán:	TM	MS: 0 2 0 0 1 5 7 3 1 3

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Khoá Việt Tiếp	Cái	42	400.000	16 800 000
Tổng cộng hàng:					16 800 000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					1 680 000
Tổng cộng tiền thanh toán					18 480 000
Số tiền viết bằng chữ: Mười tám triệu bốn trăm tám mươi ngàn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		 Giám đốc Lê Văn Trường		
BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI					
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Sau khi lập xong Hoá đơn GTGT, khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, thủ quỹ thu tiền, kế toán lập phiếu thu gồm 02 liên:

Liên 1: Lưu tại phòng kế toán

Liên 2: Giao cho khách hàng

Biểu số 2.2

CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG
Đ/C: Số 3/73 Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng
MST: 0200453462

PHIẾU THU
Liên 1 Số: PT0132

Mẫu số: 02- TT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải Phòng, ngày 04 tháng 12 năm 2011 Quyền số: 02

Nợ 1111 18.480.000

Có 5111 16.800.000

Có 3331 1.680.000

Họ tên người nộp tiền: Chị Đợi

Địa chỉ: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

Lý do nộp: Thu tiền bán khoá Việt Tiệp

Số tiền: 18.480.000 VNĐ

Kèm theo: 01 chứng từ gốc.

Hải Phòng, ngày 04 tháng 12 năm 2011

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	--	--	--------------------------------

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ) : Mười tám triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Sau khi đã giao hàng và làm thủ tục cho khách hàng, kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết theo từng tài khoản, sau đó phản ánh nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sổ cái các tài khoản.

❖ Ngày 10/12/2011, Công ty bán sơn các loại cho chị Đỗ Thị Nhung, tổng số tiền thanh toán là 1.085.700, thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hợp đồng mua bán và phiếu giao hàng, kế toán viết hóa đơn số 0098217 (bao gồm chứng từ kèm theo).

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 1111:	1.085.700
Có TK 5111:	987.000
Có TK 33311:	98.700

Hoá đơn được lập thành 03 liên giống nhau bằng giấy than

Liên 1: lưu tại gốc

Liên 2: giao cho khách hàng

Liên 3: lưu nội bộ

Hoá đơn như sau (biểu số 2.3):

Biểu số 2.3

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		AA /2011P
Liên 3: Nội bộ		0098224
Ngày: 10 tháng 12 năm 2011		
Đơn vị bán hàng:	CTY TNHH THƯƠNG MẠI DV. TH THANH TÙNG	
Địa chỉ:	3/73 Lương Khánh Thiện - Hải Phòng	
Số tài khoản:	MST: 0 2 0 0 4 5 3 4 6 2	
Điện thoại:	MS: <input type="text"/>	<input type="text"/>
Họ tên người mua hàng: Đỗ Nhung		
Tên đơn vị: Trường Mầm non Minh Tân		
Địa chỉ: Xã Minh Tân Thủy Nguyên HP		
Số tài khoản:		
Hình thức thanh toán: TM	MS: <input type="text"/>	<input type="text"/>

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	3=1x2
1,	Sơn đỏ HP	lít	5	48500	242.500
2,	Sơn cầm thạch HP	lít	5	48000	240.000
3,	Sơn trắng HP	lít	5	53400	267.000
4,	Sơn văng HP	lít	5	47500	237.500
Cộng tiền hàng:					987.000
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					98.700
Tổng cộng tiền thanh toán					1.085.700
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu không trăm tám mươi năm ngàn bảy trăm đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)				
<i>Đỗ Nhung</i>	<i>Đỗ Nhung</i>				
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Sau khi lập xong Hoá đơn GTGT, khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, thủ quỹ thu tiền, kế toán lập phiếu thu gồm 02 liên:

Liên 1: Lưu tại phòng kế toán

Liên 2: Giao cho khách hàng

Biểu số 2.4

CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG
Đ/C: Số 3/73 Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng
MST: 0200453462

PHIẾU THU
Liên 1 Số: PT0139

Mẫu số: 02- TT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải Phòng, ngày 10 tháng 12 năm 2011 Quyền số: 02

Nợ 1111 1.085.700

Có 5111 987.000

Có 3331 98.700

Họ tên người nộp tiền: Chị Đợi

Địa chỉ: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

Lý do nộp : xuất bán sơn các loại

Số tiền: 1.085.700 VNĐ

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 12 năm 2011

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	--	--	--------------------------------

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ) : Một triệu không trăm tám mươi năm ngàn bảy trăm đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Sau khi đã giao hàng và làm thủ tục cho khách hàng, kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết theo từng tài khoản, sau đó phản ánh nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sổ cái các tài khoản.

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG
Địa chỉ: Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-Hải Phòng
MST: 0200453462

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
		<u>Số trang trước chuyển sang</u>		
PC0186	01/12	Chi tiền cước điện thoại tháng 10		641	928.390	
PC0186	01/12	Thuế GTGT đầu vào		133	92.839	
				111		1.021.229
PC0187	01/12	Chi tiền cước điện thoại tháng 11		641	870.319	
PC0187	01/12	Thuế GTGT đầu vào		133	87.032	
				111		957351
PT0132	04/12	Thu tiền bán khoá Việt Tiệp		111	18.480.000	
				511		16.800.000
		Thuế GTGT		333		1.680.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

PX0045	04/12	Giá vốn hàng bán		632	4.051.950	
				156		4.051.950
....
PT0139	10/12	Thu tiền bán sơn các loại		111	1.085.700	
				511		987.000
		Thuế GTGT		333		98.700
PX0068	10/12	Giá vốn hàng bán		632	903.320	
				156		903.320
PC0200	22/12	Nộp tiền vào tài khoản		112	100.000.000	
				111		100.000.000
....
PC0207	31/12	Trả tiền mua sơn Hải Phòng		331	22.175.246	
				111		22.175.246
		Cộng phát sinh			40.823.590.022	40.823.590.022

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.6

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP
THANH TÙNG**
Địa chỉ: Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-Hải Phòng
MST: 0200453462

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/12 /2011 đến 31/12/2011

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	-
...
PT0132	04/12	Bán khoá Việt Tiệp cho Công ty CP xây dựng và đầu tư Hạ Tầng	111		16.800.000
...
PT0139	10/12	Bán sơn các loại cho Trường Mầm non Minh Tân	111		987.000
PT 0148	22/12	Bán sơn các loại cho Công ty CP CN XD 204	112		101.800.000
PT0153	27/12	Bán sơn các loại cho Công ty CP CN XD 204	111		17.950.000
...
PKT300	31/12	K/c doanh thu	911	614.976.200	
		Cộng phát sinh		614.976.200	614.976.200
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.7: Bảng kê bán hàng hoá

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG

Địa chỉ: Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-Hải Phòng

MST: 0200453462

BẢNG KÊ BÁN HÀNG

Từ ngày 01/12/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng

Số HĐ	Ngày HĐ	Đ.v -K.hàng	Tên hàng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế GTGT	Tổng cộng
0098214	02/12/2011		Que hàn	700		11.550.000	1.155.000	12.705.000
0098215	03/12/2011		Khoá các loại	45		18.000.000	1.800.000	19.800.000
0098216	03/12/2011		Sơn các loại	330		17.760.000	1.776.000	19.536.000
0098217	04/12/2011	Cty CP xây dựng và đầu tư Hạ Tầng	Khoá các loại	42		16.800.000	1.680.000	18.480.000
0098218	04/12/2011		Sơn các loại	380		17.860.000	1.786.000	19.646.000
0098219	05/12/2011		Khoá các loại	99		17.280.000	1.728.000	19.008.000
0098220	05/12/2011		Sơn các loại	380		17.600.000	1.760.000	19.360.000
0098221	06/12/2011		Sơn các loại	320		16.640.000	1.664.000	18.304.000
0098222	06/12/2011	Cty TNHH Quý Cao	Khoá các loại	980		91.610.000	9.161.000	100.771.000
0098223	07/12/2011		Sơn các loại	150		7.350.000	735.000	8.085.000
0098224	10/12/2011	Trường mầm non Minh Tân	Sơn các loại	20		987.000	98.700	1.085.700
0098225	12/12/2011		Sơn các loại	321		18.056.000	1.805.600	19.861.600
0098226	13/12/2011		Sơn các loại	374		18.030.000	1.803.000	19.833.000
0098227	13/12/2011		Sơn các loại	110		5.610.000	561.000	6.171.000
0098228	15/12/2011		Sơn các loại	390		17.979.000	1.797.900	19.776.900

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

0098229	15/12/2011		Son các loại	32		8.760.000	876.000	9.636.000
0098230	17/12/2011		Son các loại	352		17.974.200	1.797.420	19.771.620
0098231	17/12/2011		Son các loại	374		18.030.000	1.803.000	19.833.000
0098232	17/12/2011	Cty CP CN XD 204	Son các loại	800		34.000.000	3.400.000	37.400.000
0098233	22/12/2011	Cty CP CN XD 204	Son các loại	2000		101.800.000	10.180.000	111.980.000
0098234	23/12/2011		Son các loại	385		17.965.000	1.796.500	19.761.500
0098235	24/12/2011		Son các loại	400		18.000.000	1.800.000	19.800.000
0098236	27/12/2011	Cty CP CN XD 204	Son các loại	1000		53.000.000	5.300.000	58.300.000
0098237	27/12/2011		Son các loại	70		3.500.000	350.000	3.850.000
0098238	27/12/2011		Son các loại	350		17.950.000	1.795.000	19.745.000
0098239	28/12/2011		Son các loại	325		17.875.000	1.787.500	19.662.500
0098240	29/12/2011		Son các loại	190		13.010.000	1.301.000	14.311.000
Cộng bảng						614.976.200	61.497.620	676.473.820

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Đã ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Đã ký, họ tên)

Giám đốc
(Đã ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng)

2.2.2 Tổ chức kế toán giá vốn hàng bán

2.2.2.1 Đặc điểm giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hoá xuất kho bao gồm: giá mua hàng hoá, chi phí thu mua, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán giá vốn hàng xuất kho.

Giá vốn hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ (giá thực tế bình quân của số tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ). Theo phương pháp này giá thực tế của hàng hoá xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hoá xuất kho và đơn giá thực tế bình quân.

Giá thực tế xuất kho = Số lượng xuất kho x Đơn giá thực tế bình quân.

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân} = \frac{\text{Trị giá thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Đơn giá thực tế bình quân được xác định vào cuối tháng. Ưu điểm nổi trội của phương pháp này là độ chính xác tương đối cao, việc tính toán không quá phức tạp nếu ta tính đơn giá thực tế bình quân vào cuối tháng.

2.2.2.2 Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)
- Phiếu nhập kho (Mẫu số 02 - VT)
- các chứng từ khác có liên quan

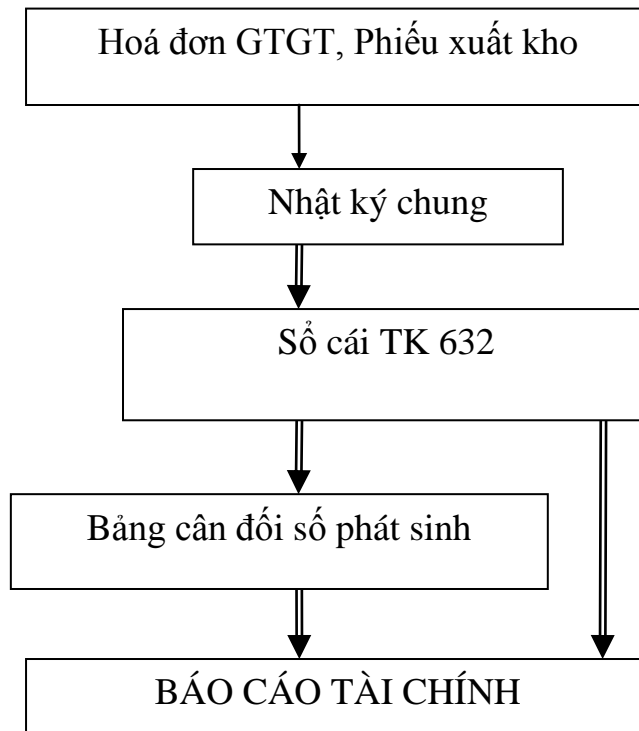
2.2.2.3 Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung (Mẫu số S03a-DNN)
- Sổ cái tài khoản 632 (Mẫu số S03b-DNN)

2.2.2.4 Tài khoản sử dụng: TK 632 “Giá vốn hàng bán”

2.2.2.5 Trình tự hạch toán

Sơ đồ 2.5: trình tự hạch toán giá vốn hàng bán



Chú thích:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftarrow \dots \longrightarrow$

Hàng ngày kế toán tập hợp hoá đơn GTGT, phiếu xuất kho làm căn cứ để xác định giá vốn hàng bán. Sau đó phản ánh vào sổ Nhật ký chung và ghi vào sổ cái TK 632, TK 156, sổ chi tiết hàng hoá, bảng tổng hợp chi tiết hàng hoá... và các sổ khác có liên quan. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm tiến hành tổng hợp số liệu ở sổ cái làm bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.

2.2.2.6 Ví dụ

Căn cứ vào các thông tin mà bộ phận kho gửi lên về lượng hàng tồn, lượng hàng nhập, xuất trong kỳ và giá trị của các loại hàng, kế toán vào Nhật ký chung. Từ Nhật ký chung, bảng kê chi tiết nhập xuất của từng loại hàng đã được phân nhóm, sau đó tập hợp số liệu từ bảng nhập kho để cuối tháng tính trị giá xuất kho và giá vốn. Các thông số này được phản ánh vào sổ tổng hợp vật tư – hàng hoá phát sinh trong kỳ. Đây là cách tính đơn giản và kết quả tương đối chính xác, làm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ơ sở để xác định kết quả kinh doanh của Công ty. Trong quá trình thực hiện, kế toán phải kiểm tra tính hợp lý, sự chính xác của các chứng từ được gửi đến.

❖ Ngày 04/12/2011, Công ty bán 42 chiếc khoá Việt Tiệp cho Công ty Cổ phần xây dựng và Đầu tư Hạ tầng, đơn giá chưa thuế 400.000 đ/chiếc, khách hàng thanh toán bằng tiền mặt.

Giá vốn của Khoá Việt Tiệp tháng 12 năm 2011

$$\text{Giá vốn} = \frac{384.223.971 + 17.786.370}{4132 + 35} = 96474,76 \text{ đồng/cái}$$

Biểu số 2.8

**Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG
HỢP THANH TÙNG**
Bộ phận:

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 04 tháng 12 năm 2011
Số: 0045

Số: 632
Cố: 1561

Họ và tên người nhận: Trần Thu Mai

Theo HĐGT số 0098217 ngày 04 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần xây dựng và đầu tư Hạ Tầng.

Xuất tại kho (ngăn lô): vật tư

địa điểm: Kho Công ty Thanh Tùng

STT	Tên hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B		D	1	2	3	4
	Khoá Việt Tiệp		Chiếc	42	42		
	Cộng		x	x	x	x	

-Tổng số tiền (viết bằng chữ) :

-Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 04 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu
(Đã ký)

Người giao hàng
(Đã ký)

Thủ kho
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

❖ Ngày 10/12/2011, Công ty bán sơn các loại cho chị Đỗ Thị Nhung, tổng số tiền thanh toán là 1.085.700, thanh toán bằng tiền mặt.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Giá vốn của Sơn các loại tháng 12 năm 2011

$$\text{Giá vốn} = \frac{1.093.399.908 + 568.037.224}{24754 + 12031,4} = 45165.67 \text{ đồng/lít}$$

Biểu số 2.9

**Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG
HỢP THANH TÙNG**
Bộ phận:

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Số: 632

Số: 0068

Số: 1561

Họ tên người nhận: Trần Thu Mai

Theo HĐGTGT số 0098224 ngày 10 tháng 12 năm 2011 của Trường Mầm non Minh Tân

Xuất tại kho (ngăn lô): vật tư

địa điểm: Kho Công ty Thanh Tùng

Stt	Tên hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B		D	1	2	3	4
	Sơn các loại		Lít	20	20		
	Cộng		x	x	x	x	

-Tổng số tiền (viết bằng chữ):

-Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu
(Đã ký)

Người giao hàng
(Đã ký)

Thủ kho
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Cuối kỳ kế toán kết chuyển giá vốn hàng bán sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.10

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG

Địa chỉ: Số 3/73 Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng

MST: 0200453462

Mẫu số S11-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Tài khoản: 1561

Tháng 12 năm 2011

Tên	Đơn vị	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
Bu lông các loại	Cái	13119	3.987.702					13.119	3.987.702
Cân đồng hồ	Chiếc	363	53.695.612					363	53.695.612
Cân đồng hồ 100 kg	Chiếc	1	451.800					1	451.800
Dây thép các loại	Kg	1650	21.402.412					1650	21.402.412
Khoá các loại	Chiếc	4132	384.223.971	35	17.786.370	1166	112.489.575	3.001	289.520.766
Que hàn	Kg	3	24.574	1364	22.609.454	700	11.590.212	667	11.043.816
Sơn Kim Cương	Lít	107.5	3.909.968					107.5	3.909.968

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơn các loại	Lít	24754	1.093.399.908	12031.4	568.037.224	9053	408.884.785	27732.4	1.252.552.347
Toa varnish	Can	240	7.455.840					240	7.455.840
Đinh các loại	Kg	2136	33.159.393					2136	33.159.393
Đinh vít xoáy	Kg	500	7.750.000					500	7.750.000
Điện thoại			1.170.241						1.170.241
Cộng	X	x	1.610.631.421	x	608.433.048	x	532.964.572	x	1.686.099.897

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.11

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG
Địa chỉ: Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-Hải Phòng
MST: 0200453462

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
		<u>Số trang trước chuyển sang</u>		
PC0186	01/12	Chi tiền cước điện thoại tháng 10		641	928.390	
PC0186	01/12	Thuế GTGT đầu vào		133	92.839	
				111		1.021.229
PC0187	01/12	Chi tiền cước điện thoại tháng 11		641	870.319	
PC0187	01/12	Thuế GTGT đầu vào		133	87.032	
				111		957351
PT0132	04/12	Thu tiền bán khoá Việt Tiệp		111	18.480.000	
				511		16.800.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

		Thuế GTGT		333		1.680.000
PX0045	04/12	Giá vốn hàng bán		632	4.051.950	
				156		4.051.950
....
PT0139	10/12	Thu tiền bán sơn các loại		111	1.085.700	
				511		987.000
		Thuế GTGT		333		98.700
PX0052	10/12	Giá vốn hàng bán		632	903.320	
				156		903.320
PC0200	22/12	Nộp tiền vào tài khoản		112	100.000.000	
				111		100.000.000
....
PC0207	31/12	Trả tiền mua sơn Hải Phòng		331	22.175.246	
				111		22.175.246
		<u>Cộng phát sinh</u>			<u>40.823.590.022</u>	<u>40.823.590.022</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.12

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG

Địa chỉ: Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô

Quyên-Hải Phòng

MST: 0222453462

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/12 /2011 đến 31/12/2011

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	-
...
PX0045	04/12	Bán khoá Việt Tiệp cho Công ty CP xây dựng và Đầu tư Hạ Tầng	156	4.051.950	
...
PX0052	10/12	Bán sơn các loại cho Trường Mầm non Minh Tân	156	903.320	
...
PKT302	31/12	K/c giá vốn hàng bán	911		532.964.572
		Cộng phát sinh		532.964.572	532.964.572
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng)

2.2.3 Tổ chức kế toán chi phí bán hàng

2.2.3.1 Đặc điểm

Chi phí bán hàng của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng bao gồm chi phí nhân viên, chi phí điện thoại, văn phòng phẩm, chi phí bán hàng khác.....

2.2.3.2 Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Bảng phân bổ lương
- Bảng tính khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan...

2.2.2.3 Sổ sách sử dụng

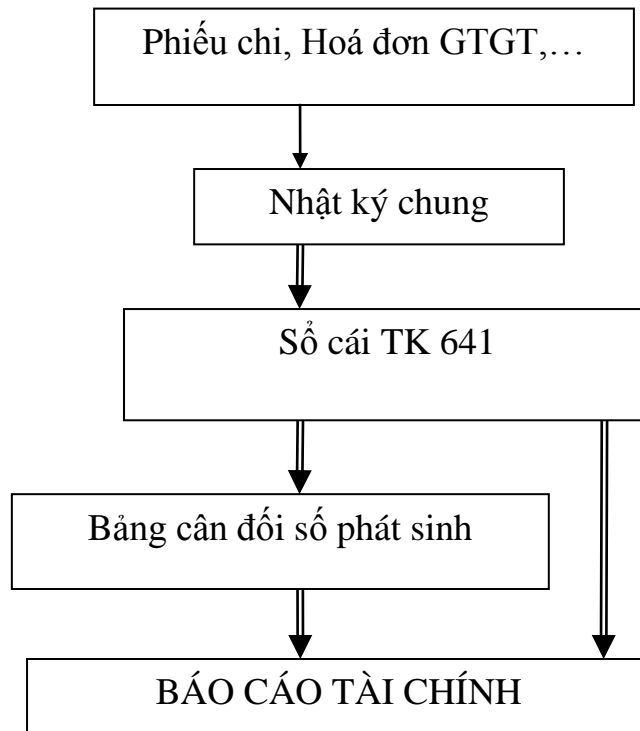
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 641

2.2.2.4 Tài khoản sử dụng: TK 641 “Chi phí bán hàng”

- TK 6411 : chi phí nhân viên
- TK 64183: Chi phí điện, nước, các cửa hàng
- TK 64184: Chi phí bán hàng khác

2.2.2.5 Trình tự hạch toán

Sơ đồ 2.6: Trình tự hạch toán chi phí bán hàng



Chú thích:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Trong kỳ khi phát sinh các khoản chi phí bán hàng kế toán căn cứ vào phiếu chi, hóa đơn GTGT... phản ánh vào sổ Nhật ký chung, sau đó phản ánh vào sổ cái TK 641. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm tiến hành tổng hợp số liệu ở sổ cái làm bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính.


2.2.2.6 Ví dụ

❖ Ngày 01/12 /2011 chi tiền cước điện thoại tháng 10, số tiền 928.390 đồng, thuế GTGT 10%, đã trả bằng tiền mặt.

Hoá đơn dịch vụ viễn thông


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.13



HÒA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)
Liên 2: Giao khách hàng (Customer)

Mẫu số: 01GTGT-2LN-03 - **VIET**
Ký hiệu (Serial No): **AC/2011T**
Số (No): **047443**



04007576102010

Mã số: 0 2 0 0 2 8 7 9 7 7 0 2 2

TT Dịch Vụ Khách Hàng - VTHP - Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng (Customer's name): MS: 0 2 0 0 4 5 3 4 6 2

..... **Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Tổng Hợp Thanh Tùng**

Địa chỉ (Address): **3/73 - Lương Khánh Thiện - Lương Khánh Thiện - Ngô Quyền**

Số điện thoại (Tel): **3855949** Mã số (code): **HPG-04-007576(T1LK14)**

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): **TM/CK**

DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
KỶ HOÁ ĐƠN THÁNG 10/2011	
a - Cước dịch vụ viễn thông	928 390
b - Cước dịch vụ viễn thông không thuế	0
c - Chiết khấu + Đa dịch vụ	0
d - Khuyến mại	0
e - Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ	0
(a+b+c+d)	928 390
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (1) =	Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):
(1+2+e)	Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):
	1 021 229

Số tiền viết bằng chữ (In words):

..... **Một triệu, không trăm hai mươi một nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng**

Ngày..... tháng..... năm 20

Người nộp tiền ký
(Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)

Sau khi nhận được hoá đơn dịch vụ viễn thông, kế toán lập phiếu chi (PC0186) thanh toán cho công ty viễn thông.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 64183: 928.390

Nợ TK 1331: 92.839

Có TK 1111: 1.021.229

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.14

CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG
Đ/C: Số 3/73 Lương Khánh Thiện –
Ngô Quyền – Hải Phòng
MST: 0200453462

PHIẾU CHI

Liên 1 Số: PC0186

Mẫu số: 02- TT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải Phòng, ngày 01 tháng 12 năm 2011 Quyền số: 02

Nợ 64183 928.390

Nợ 1331 92.839

Có 1111 1.021.229

Họ tên người nhận tiền: Chị Đợi

Địa chỉ: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

Lý do chi : chi tiền cước điện thoại tháng 10

Số tiền: 1.021.229 VNĐ

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 12 năm 2011

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	---------------------------------------	--	--------------------------------

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ) : Một triệu, không trăm hai mươi một ngàn, hai trăm hai mươi chín ngàn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Ngày 01/12 /2011 chi tiền cước điện thoại tháng 10, số tiền 569.050 đồng, thuế GTGT 10%, đã trả bằng tiền mặt.

Hoá đơn dịch vụ viễn thông

Biểu số 2.15



HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)
Liên 2: Giao khách hàng (Customer)

Mẫu số: 01GTKT-2LN-03 **VT01**
Ký hiệu (Serial No): AC/2011T
Số (No): 047633



Mã số: 0 2 0 0 2 8 7 9 7 7 0 2 2

TT Dịch Vụ Khách Hàng - VTHP - Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng (Customer's name): MS: 0 2 0 0 4 5 3 4 6 2

..... công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Thanh Tùng

Địa chỉ (Address): 3/73 Lương Khánh Thiện - Lương Khánh Thiện - Ngô Quyền

Số điện thoại (Tel): 913576732 Mã số (code): HPG-04-101531(T1LK4)

Hình thức thanh toán (Cash Payment): TM/CK

DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
KỶ HOÁ ĐƠN THÁNG 10/2011	
a - Cước dịch vụ viễn thông	569 050
b - Cước dịch vụ viễn thông không thuế	20 000
c - Chiết khấu + Đa dịch vụ	0
d - Khuyến mại	-20 000
e - Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ	0
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):	569 050
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (1) =	Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2): 56 905
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):	625 955

Số tiền viết bằng chữ (In words):

Báu trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm năm mươi lăm đồng

Ngày..... tháng..... năm 20

Người nộp tiền ký
(Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký
(Signature of dealing staff)

Sau khi nhận được hoá đơn dịch vụ viễn thông, kế toán lập phiếu chi (PC0187) thanh toán cho công ty viễn thông.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 6418: 569.050

Nợ TK 1331: 56.905

Có TK 1111: 625.955

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.16

CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG
Đ/C: Số 3/73 Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng
MST: 0200453462

PHIẾU CHI
Liên 1 Số: PC0187

Mẫu số: 02- TT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Hải Phòng, ngày 01 tháng 12 năm 2011 Quyền số: 02

Nợ 64183 569.050

Nợ 1331 56.905

Họ tên người nhận tiền: Chị Đợi

Có 1111 625.955

Địa chỉ: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

Lý do chi : chi tiền cước điện thoại tháng 10

Số tiền: 625.955 VNĐ

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 12 năm 2011

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
---	---------------------------------------	---------------------------------------	--	--------------------------------

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ) : Sáu trăm hai mươi năm ngàn, chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

Kế toán tiền hành ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung và sổ cái tài khoản 641.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.17

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG

Địa chỉ: Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-Hải Phòng

MST: 0200453462

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
		<u>Số trang trước chuyển sang</u>		
HD 0003167	01/12	Mua hàng của Công ty Cổ phần sơn Hải Phòng		156	15.600.264	
				133	1.560.026	
				112		17.160.290
PC0186	01/12	Chi tiền cước điện thoại tháng 10		641	928.390	
				133	92.839	
				111		1.021.229
PC0187	01/12	Chi tiền cước điện thoại tháng 10		641	569.050	
				133	56.095	
				111		625.955

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

12/11-0001	03/12	Rút tiền ngân hàng nhập quỹ		111	34.000.000	
				112		34.000.000
.....
SP0119	24/12	Vay tiền Ngân hàng Agribank		112	100.000.000	
				311		100.000.000
.....
PC0208	31/12	Trả tiền lương công nhân tháng 12		334	11.000.000	
				111		11.000.000
		Cộng phát sinh			40.823.590.022	40.823.590.022

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng)

Tất cả các chi phí sau khi được tập hợp xong từ tài khoản 641 sẽ kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được theo dõi trên sổ cái TK 641. Công ty sẽ lập phiếu chi cho các nghiệp vụ phát sinh. Phiếu chi được đánh theo số thứ tự liên tục.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.18

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG

Địa chỉ: Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô

Quyền-Hải Phòng

MST: 0222453462

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/12 /2011 đến 31/12/2011

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	-
...
PC0186	01/12	Chi tiền cước điện thoại tháng 10	111	928.390	
PC0187	01/12	Chi tiền cước điện thoại tháng 10	111	569.050	
PC0188	01/12	Chi tiền cước điện thoại tháng 10	111	196.168	
PC0189	01/12	Chi tiền cước điện thoại tháng 11	111	870.319	
...
	31/12	Tiền lương phải trả	334	11.000.000	
...
PKT304	31/12	K/c chi phí bán hàng	911		14.631.534
		Cộng phát sinh		14.631.534	14.631.534
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng)

2.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

2.2.4.1 Đặc điểm

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng chủ yếu là lãi tiền gửi Ngân hàng. Nguồn doanh thu này của Công ty không đáng kể.

2.2.4.2 Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Giấy báo Có của ngân hàng
- Phiếu thu (mẫu số 02-TT)

2.2.4.3 Sổ sách sử dụng

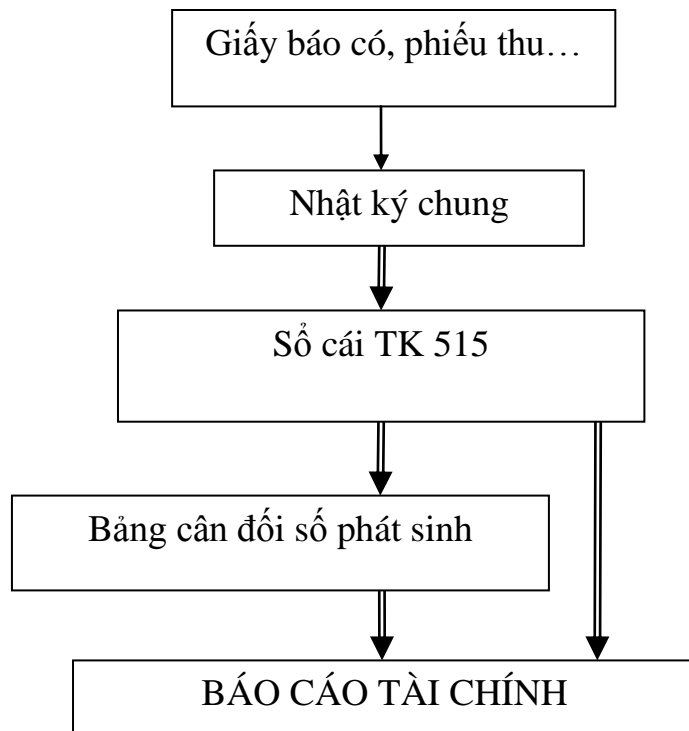
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 515
- Sổ chi tiết tài khoản 5154

2.2.4.4 Tài khoản sử dụng

- TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”
 - + TK 5154: Thu lãi tiền gửi

2.2.4.5 Trình tự hạch toán

Sơ đồ 2.7: Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Chú thích:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: $\longleftarrow \dots \longrightarrow$

- Hàng ngày kế toán tập hợp giấy báo có của ngân hàng, phiếu thu... làm căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký chung và ghi vào sổ cái tài khoản 515

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm tiến hành tổng hợp số liệu ở sổ cái làm bảng cân đối số phát sinh. So sánh đối chiếu số liệu ở sổ cái 515 với bảng tổng hợp để làm báo cáo tài chính.

2.2.4.6 Ví dụ

❖ Ngày 25/12/2011, kế toán ghi nhận tiền lãi ngân hàng AGRIBANK, số tiền 2.695 đồng.

- Căn cứ vào chứng từ giao dịch của ngân hàng AGRIBANK (biểu số 2.18), kế toán ghi nhận nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung, sau đó ghi vào sổ chi tiết và sổ cái các tài khoản liên quan.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 112 : 2.695

Có TK 515 : 2.695

Biểu số 2.19

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔNG VIỆT NAM**
Chi nhánh Trần Phú – Hải Phòng
Mã số thuế của CN:0100695309

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Liên 2: Trả khách hàng

Số Seri: 212511K000000125

Tên khách hàng (Customer Name) Cty TNHH TNDVTH Thanh Tùng Địa chỉ: 3/73 Lương Khánh Thiện Mã số thuế của KH 0200453462	Ngày giao dịch (Date) 25/12/2011
--	--

Thông báo với quý khách hàng (This is to certify that)

- Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.
(We have debited the following amount from your account/ or received by cash.)
- Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc đã trả bằng tiền mặt số tiền sau.
(We have credited the following amount to your account/ or paid by cash.)

Diễn giải (Description)	Biên lai lãi tiền gửi		
Số TK (A/C No.)	21252112057	Số GD (Ref)	

Chi tiết (Item)	Số tiền (Amount)			Diễn giải (Remark)
Lãi nhập gốc	D	VND	2.695	25/12/2011
Total		VND	2.695	

First interest amount: 2.695
Tạm: .1/12/2011 – 31/12/2011
Base rate: 2.4 + Interest rate: 0 = 2.4 %

Người in: **Nguyen Thi Q.Hoa** D: Nợ, C: Có Trang: 1/1
 Ngày in: **25/12/2011**
 Giờ in: **10:26:34**

	Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát	Giám đốc
TEL:				
FAX:				

❖ Ngày 31/12/2011, kế toán ghi nhận tiền lãi ngân hàng AGRIBANK, số tiền 55.600 đồng.

- Căn cứ vào chứng từ giao dịch của ngân hàng AGRIBANK (biểu số 2.19), kế toán ghi nhận nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung, sau đó ghi vào sổ chi tiết và sổ cái các tài khoản liên quan.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 112 : 55.600

Có TK 515 : 55.600

Biểu số 2.20

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

Chi nhánh Trần Phú – Hải Phòng
Mã số thuế của CN:0100695309

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Liên 2: Trả khách hàng

Số Seri: 212511K000000125

Tên khách hàng (Customer Name) Cty TNHH TNDVTH Thanh Tùng Địa chỉ: 3/73 Lương Khánh Thiện Mã số thuế của KH 0200453462	Ngày giao dịch (Date) 31/12/2011
--	--

Thông báo với quý khách hàng (This is to certify that)

- Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.
(We have debited the following amount from your account/ or received by cash.)
- Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc đã trả bằng tiền mặt số tiền sau.
(We have credited the following amount to your account/ or paid by cash.)

Diễn giải (Description)	Biên lai lãi tiền gửi		
Số TK (A/C No.)	21252112057	Số GD (Ref)	

Chi tiết (Item)	Số tiền (Amount)			Diễn giải (Remark)
Lãi nhập gốc	D	VND	55.600	31/12/2011
Total		VND	55.600	

First interest amount: 55.600 Tềm: .1/12/2011 – 31/12/2011 Base rate: 2.4 + Interest rate: 0 = 2.4 %

Người in **Nguyen Thi Q.Hoa**

D: Nợ, C: Có

Trang: 1/1

Ngày in: 31/12/2011

Giờ in: 09:15:26

TEL:

FAX:

Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát	Giám đốc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.21

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG

Địa chỉ: Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-Hải Phòng

MST: 0200453462

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
		<u>Số trang trước chuyển sang</u>		
.....
PN0073	14/12	Nhập son Hải Phòng		156	43.210.194	
				133	4.321.019	
				331		47.531.213
PC0199	21/12	Nộp tiền vào tài khoản		112	80.000.000	
				111		80.000.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

.....
SP0119	24/12	Trả phí tiền gửi ngân hàng		635	30.000	
				112		30.000
SP0133	25/12	Ngân hàng trả lãi tiền gửi		112	2.695	
				515		2.695
.....
SP0125	25/12	Ngân hàng trả lãi tiền gửi		112	55.600	
				515		55.600
.....
PC0207	31/12	Trả tiền mua sơn Hải Phòng		331	22.175.246	
				111		22.175.246
PC0208	31/12	Trả tiền lương nhân viên T12		334	11.000.000	
				111		11.000.000
		<u>Công phát sinh</u>			<u>40.823.590.022</u>	<u>40.823.590.022</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.22

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG**
Địa chỉ: **Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô
Quyền-Hải Phòng**
MST: **0222453462**

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/12/2011 đến 30/12/2011

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	-
25/12	SP0133	25/12	Ngân hàng trả lãi	112		2.695
31/12	SP0125	31/12	Ngân hàng trả lãi	112		55.600
31/12	PKT301	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính	911	58.295	
			Cộng phát sinh		58.295	58.295
			<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng)

2.2.5 Kế toán chi phí tài chính

2.2.5.1 Đặc điểm

Chi phí tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng chủ yếu trả lãi tiền vay và phí quản lý tài khoản ở Ngân hàng, phí chuyển tiền gửi ngân hàng.

2.2.5.2 Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Nợ của ngân hàng
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT)

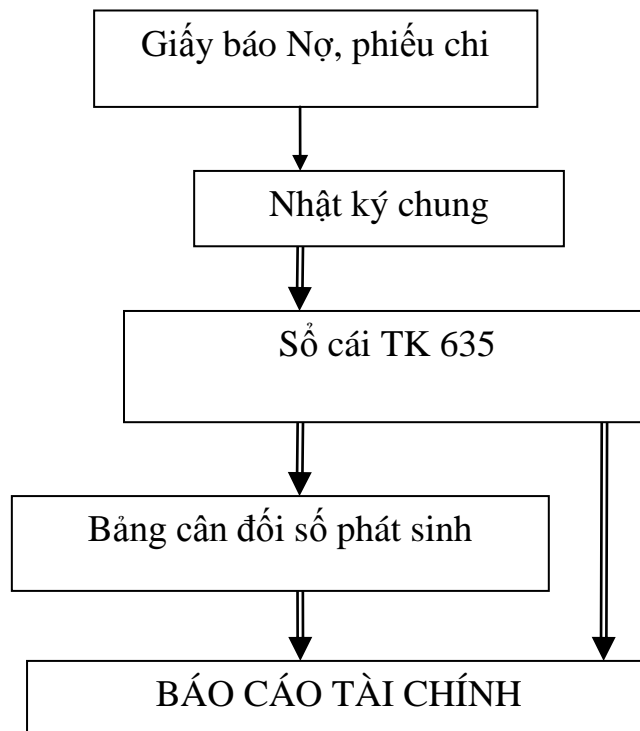
2.2.5.3 Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 635


2.2.5.4 Tài khoản sử dụng: TK 635 – “Chi phí tài chính”


2.2.5.5 Trình tự hạch toán


Sơ đồ 2.8: Trình tự hạch toán chi phí tài chính



Chú thích:

Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ: 

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: 

- Hàng ngày kế toán tập hợp giấy báo Nợ của ngân hàng, phiếu chi... làm căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết các tài khoản 635. Sau đó ghi vào sổ cái tài khoản 635

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm tiến hành tổng hợp số liệu ở sổ cái làm bảng cân đối số phát sinh. So sánh đối chiếu số liệu ở sổ cái 635 với bảng tổng hợp để làm báo cáo tài chính.

2.2.5.6 Ví dụ

❖ Ngày 24/12, căn cứ hợp đồng tín dụng số: 2125LAV 200900033 ngày 23 tháng 02 năm 2010 đã ký giữa chi nhánh NHN₀ & PTNT Trần Phú, Hải Phòng và Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng viết giấy vay nhận nợ vay tiền ngân hàng để thanh toán tiền mua sơn công ty cổ phần sơn Hải Phòng.

- căn cứ vào giấy vay nhận nợ (biểu số 2.22) , ngân hàng đã chuyển tiền cho công ty đồng thời lập thêm chứng từ phí chuyển tiền ngân hàng (biểu số 2.23).

Biểu số 2.23

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc

Hải Phòng, ngày 24 tháng 12 năm 2011

GIẤY NHẬN NỢ

Số: 1.05.2010.00.4.15.../HĐTĐ HM

Căn cứ hợp đồng tín dụng số: 2125LAV 200900033 ngày 23 tháng 02 năm 2010 đã ký giữa chi nhánh NHNo & PTNT Trần Phú, Hải Phòng và Cty TNHH thương mại dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng Căn cứ phụ lục hợp đồng gia hạn hạn mức số 03/PLHĐTĐ ngày 23/02/2011, căn cứ phụ lục HĐĐD số 04/PLHĐTĐ ngày 20/4/2011

Căn cứ thông báo về việc điều chỉnh lãi suất của giám đốc NHNo Trần Phú ngày 01/12/2011

Hôm nay, ngày 24 tháng 12 năm 2011 tại chi nhánh NHNo & PTNT Trần Phú.

Tên người vay: Cty TNHH thương mại dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

Người đại diện là ông : Lê Văn Tường Chức vụ: giám đốc

CMND số: 030055507 ngày cấp 18/5/1978 nơi cấp CA Hải Phòng.

Hạn mức tín dụng: 1.000.000.000 đ

Dư nợ trước khi nhận nợ lần này: 850.000.000 đ.

Số tiền nhận nợ lần này: 100.000.000 đ.

Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn.

- Chuyển khoản: 100.000.000 đ.

Tổng dư nợ sau lần nhận nợ: 950.000.000 đ.

Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán tiền mua sơn cty CP sơn Hải Phòng.

Hạn trả nợ cuối cùng: 24/06/2012 (24/6/2012)

Lãi suất: 16,5%/ năm, lãi suất nợ quá hạn: 24,75%/ năm.

ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG



GIÁM ĐỐC
Lê Văn Tường

CÁN BỘ TÍN DỤNG
(Ký ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Ninh

ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH NHNO&PTNT TRẦN PHÚ

TRƯỞNG PHÒNG TÍN DỤNG
(Ký ghi rõ họ tên)

Vũ Chi Dung

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Lê Văn Thanh

Biểu số 2.24



**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**
Chi nhánh Trần Ph - Hải Phòng
Mã số thuế của CN : 0100695309

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Liên 2 : Trả khách hàng

Số Seri: 212510L000000973

Tên khách hàng (Customer Name) Cty TNHH TM DV TH Thanh Tùng (028587608) Địa chỉ: 3/73 Lương Khánh Thiện Mã số thuế của KH 0200453462	Ngày giao dịch (Date) 24/12/2011
--	--

Thông báo với quý khách hàng (This is to certify that)

- Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau.
(We have debited the following amount from your account/ or received by cash.)
- Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc đã trả bằng tiền mặt số tiền sau.
(We have credited the following amount to your account/ or paid by cash.)

Diễn giải (Description)	Credit Commissions/Charges		
Số TK (A/C No.)	21252112057	Số GD (Ref)	2125OTT101006261

Chi tiết (Item)	Số tiền (Amount)		Diễn giải (Remark)	
CT khác hệ thống (ST<500 Tr	C	VND	27,273	Rate(%) : .03000000
VAT	C	VND	2,727	
Customer a/c	D	VND	30,000	Cty TNHH TM DV TH Thanh Tùng

Principal : VND 100,000,000
Their Reference No:

Người in Phan Thị Thuận
Ngày in: 24/12/2011
Giờ in: 17:51:50
TEL:
FAX:

Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát	Chức vụ



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.25

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG
Địa chỉ: Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-Hải Phòng
MST: 0200453462

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
		<u>Số trang trước chuyển sang</u>		
.....
PN0073	14/12	Nhập sơn Hải Phòng		156	43.210.194	
				133	4.321.019	
				331		47.531.213
PC0199	21/12	Nộp tiền vào tài khoản		112	80.000.000	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

				111		80.000.000
.....
SP0119	24/12	Trả phí tiền gửi ngân hàng		635	30.000	
				112		30.000
SP0133	25/12	Ngân hàng trả lãi tiền gửi		112	2.695	
				515		2.695
.....
SP0125	25/12	Ngân hàng trả lãi tiền gửi		112	55.600	
				515		55.600
.....
PC0207	31/12	Trả tiền mua sơn Hải Phòng		331	22.175.246	
				111		22.175.246
PC0208	31/12	Trả tiền lương nhân viên T12		334	11.000.000	
				111		11.000.000
		<u>Cộng phát sinh</u>			<u>40.823.590.022</u>	<u>40.823.590.022</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng)

Biểu số 2.26

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG
 Địa chỉ: **Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-Hải Phòng**
MST: 0222453462

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/12/2011 đến 31/12/2011

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	-
...
SP0117	22/12	Ngân hàng thu phí	112	126.000	
SP0119	24/12	Ngân hàng thu phí	112	30.000	
SP0134	27/12	Ngân hàng thu phí	112	88.000	
SP0124	31/12	Ngân hàng thu phí	112	147.040	
...
PKT303	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		5.064.357
		Cộng phát sinh		5.064.357	5.064.357
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng)

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.6.1 Đặc điểm

Kế toán không theo dõi trên từng số chi tiết mà theo dõi trên số cái TK 911, được kế toán trưởng tính toán, kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh vào cuối tháng dựa trên các sổ liên quan. Cuối năm, kế toán sẽ kết chuyển doanh thu và chi phí để xác định kết quả kinh doanh cả năm.

Công việc cụ thể được tiến hành như sau:

+ Xác định doanh thu thuần của từng loại hàng hoá tiêu thụ trong năm, số liệu này được lấy từ bảng kê chi tiết bán hàng, bảng tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ...

+ Kết chuyển giá vốn hàng bán.

+ Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính.

+ Kết chuyển toàn bộ chi phí bán hàng, chi phí tài chính sang tk 911 để xác định kết quả kinh doanh trong năm.

Tính lãi lỗ từ hoạt động kinh doanh, kết quả được hạch toán như sau:

Nếu lãi kế toán ghi:

Nợ TK 911

Có TK 421

Nếu lỗ kế toán ghi:

Nợ TK 421

Có TK 911

2.2.6.2 Chứng từ sử dụng: phiếu kế toán

2.2.6.3 Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ cái các TK 511, 515, 632, 635, 641, 821, 3334, 911

2.2.6.4 Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

2.2.6.5 Các bút toán kết chuyển xác định lãi lỗ của doanh nghiệp

Căn cứ vào các số liệu trên ghi ở sổ Nhật ký chung, các sổ cái các tài khoản có liên quan, kế toán xác định kết quả kinh doanh năm 2011

Bút toán 1: Kết chuyển doanh thu bán hàng năm 2011

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 511 : 4.408.726.380

Có TK 911: 4.408.726.380

Biểu số 2.27:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

TỔNG HỢP THANH TÙNG

Địa chỉ: **Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-**

Hải Phòng

MST: 0222453462

Mẫu số 04 – TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 300

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển doanh thu hoạt động kinh doanh sang TK 911	511	911	4.408.726.380
	Cộng			4.408.726.380

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bút toán 2: Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính năm 2011

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 515 : 259.861

Có TK 911: 259.861

Biểu số 2.28:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP THANH TÙNG**

Địa chỉ: **Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-
Hải Phòng**
MST: **0222453462**

Mẫu số 04 – TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 301

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911	515	911	259.861
	Cộng			259.861

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bút toán 3: Kết chuyển giá vốn hàng bán năm 2011

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 911 : 3.948.579.215

Có TK 632: 3.948.579.215

Biểu số 2.28:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP THANH TÙNG**

Địa chỉ: **Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-
Hải Phòng**
MST: **0222453462**

Mẫu số 04 – TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 302

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển giá vốn hàng bán sang TK 911	911	632	3.948.579.215
	Cộng			3.948.579.215

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bút toán 4: Kết chuyển chi phí tài chính năm 2011

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 911 : 30.772.284

Có TK 635: 30.772.284

Biểu số 2.30:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

TỔNG HỢP THANH TÙNG

Địa chỉ: Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-

Hải Phòng

MST: 0222453462

Mẫu số 04 – TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 303

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911	911	635	30.772.284
	Cộng			30.772.284

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bút toán 5: Kết chuyển chi phí bán hàng năm 2011

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 911 : 150.107.610

Có TK 641: 150.107.610

Biểu số 2.31:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP THANH TÙNG**

Địa chỉ: **Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-
Hải Phòng**
MST: **0222453462**

Mẫu số 04 – TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 304

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911	511	911	150.107.610
	Cộng			150.107.610

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bút toán 6: Xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 8211 : 69.881.783

Có TK 3334: 69.881.783

Biểu số 2.32:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP THANH TÙNG**

Địa chỉ: **Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-
Hải Phòng**
MST: **0222453462**

Mẫu số 04 – TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 305

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Chi phí thuế TNDN phải nộp	8211	3334	69.881.783
	Cộng			69.881.783

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bút toán 7: Kết chuyển chi phí thuế TNDN phải nộp

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 911 : 69.881.783

Có TK 8211: 69.881.783

Biểu số 2.33:

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP THANH TÙNG**

Địa chỉ: **Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-
Hải Phòng**
MST: **0222453462**

Mẫu số 04 – TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 306

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển chi phí thuế TNDN phải nộp sang TK 911	8211	3334	69.881.783
	Cộng			69.881.783

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bút toán 8: Kết chuyển lợi nhuận năm 2011

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 911 : 209.645.349

Có TK 421: 209.645.349

Biểu số 2.34:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

TỔNG HỢP THANH TÙNG

Địa chỉ: **Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-**

Hải Phòng

MST: 0222453462

Mẫu số 04 – TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 307

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
01	Kết chuyển lãi	911	421	209.645.349
	Cộng			209.645.349

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.35

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG
Địa chỉ: Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-Hải Phòng
MST: 0200453462

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu tài khoản	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
		<u>Số trang trước chuyển sang</u>		
...
PC0186	01/12	Chi tiền cước điện thoại tháng 10		641	928.390	
				133	92.839	
				111		1.021.229
PC0187	01/12	Chi tiền cước điện thoại tháng 10		641	569.050	
				133	56.905	
				111		625.955
...

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

PC0195	10/12	Nộp tiền vào tài khoản		112	35.000.000	
				111		35.000.000
...
PN0073	14/12	Nhập sơn Hải Phòng		156	43.210.194	
				133	4.321.019	
				331		47.531.213
...
HĐ0098231	17/12	Thu tiền bán hàng của Công ty TNHH Cơ khí xây dựng Tiến Thanh		111	19.833.000	
				511		18.030.000
				333		1.803.000
		Giá vốn hàng bán		632	15.356.440	
				156		15.356.440
...
PC0208	31/12	Thanh toán lương		334	11.000.000	
				111		11.000.000
PKT300	31/12	K/c doanh thu bán hàng		511	4.408.726.380	
PKT301	31/12	K/c doanh thu hđtc		515	259.861	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

		Xác định kqkd		911		4.408.986.241
		Xác định kqkd		911	4.129.459.109	
PKT302	31/12	K/c giá vốn hàng bán		632		3.948.579.215
PKT303	31/12	K/c chi phí tài chính		635		30.772.284
PKT304	31/12	K/c chi phí bán hàng		641		150.107.610
PKT305	31/12	Xác định thuế TNDN		821	69.881.783	
				333		69.881.783
PKT306	31/12	K/c chi phí thuế TNDN		911	69.881.783	
				821		69.881.783
PKT307	31/12	K/c lãi		911	209.645.349	
				421		209.645.349
		Cộng phát sinh			40.823.590.022	40.823.590.022

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.36

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
TỔNG HỢP THANH TÙNG**

Địa chỉ: **Số 3/73 Lương Khánh Thiện-Ngô**

Quyên-Hải Phòng

MST: 0222453462

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<u>Số dư đầu kỳ</u>		-	-
PKT301	31/12	K/c doanh thu bán hàng	511		4.408.726.380
PKT302	31/12	K/c doanh thu hđtc	515		259.861
PKT303	31/12	K/c giá vốn hàng bán	632	3.948.579.215	
PKT304	31/12	K/c chi phí tài chính	635	30.772.284	
PKT305	31/12	K/c chi phí bán hàng	641	150.107.610	
PKT306	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	821	69.881.783	
PKT307	31/12	K/c lãi	421	209.645.349	
		Cộng phát sinh		4.408.986.241	4.408.986.241
		<u>Số dư cuối kỳ</u>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.37: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP THANH TÙNG

Địa chỉ: Số 3/73 Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – Hải Phòng
MST: 0200453462

Mẫu số B02 – DNN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	4.408.726.380	4.599.592.001
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	4.408.726.380	4.599.592.001
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	3.948.579.215	4.213.245.580
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		460.147.165	386.346.421
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	259.861	249.681
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	30.772.284	16.821.344
8. Chi phí bán hàng	24		150.107.610	160.961.148
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		-	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		279.527.132	208.813.610
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		279.527.132	208.813.610
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	69.881.783	52.203.403
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		209.645.349	156.610.207

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

(đã ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Tài chính của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp

Kế toán trưởng

(đã ký, họ tên)

Giám đốc

(đã ký, họ tên, đóng dấu)

Thanh Tùng)

Sinh viên: Nguyễn Hải Phương – QT1203K

105

**CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG
TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP
THANH TÙNG**

**3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả
kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng**

3.1.1 Đánh giá chung

Sau thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng, được tìm hiểu, tiếp xúc với thực tế công tác quản lý nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng em nhận thấy công tác quản lý cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã tương đối hợp lý. Với mong muốn hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty em xin mạnh dạn nêu ra một số nhận xét của bản thân về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty như sau:

3.1.2 Ưu điểm

Trong quá trình hoạt động của Công ty, bộ phận tài chính kế toán là một trong những bộ phận quan trọng của hệ thống quản lý kinh tế, Phòng tài chính kế toán được tổ chức gọn nhẹ nhưng hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc và phát huy được năng lực chuyên môn của từng người. Để đáp ứng với yêu cầu công việc ngày càng nhiều và phức tạp đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty, Công ty đã tạo điều kiện cho cán bộ đi học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Công việc tổ chức kế toán của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng rất rõ ràng và hợp lý do vậy có thể theo dõi được những chi phí phát sinh cũng như kết quả doanh thu đã đạt được trong một thời kỳ nhất định. Từ đó Công ty có thể phân tích được những nhân tố bên trong cũng như bên ngoài ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh, tìm hiểu được nguyên nhân tại sao có sự chênh lệch kết quả kinh doanh giữa các ngành nghề kinh doanh.

3.1.2 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm nói trên, tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty vẫn còn một số tồn tại cần được cải tiến và hoàn thiện hơn.

- Về hệ thống sổ sách kế toán

Sổ sách kế toán cũng như chứng từ kế toán công ty còn quản lý chưa được chặt chẽ ví dụ như: các phiếu chi, phiếu thu còn thiếu chữ ký của thủ quỹ hoặc kế toán trưởng. Bên cạnh đó hệ thống sổ sách kế toán của Công ty chưa đầy đủ, Công ty cần phải mở thêm “Sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh” để tránh nhầm lẫn và thiếu sót khi phản ánh và tổng hợp thông tin. Công ty hiện đang phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản tổng hợp 641. Để kiểm soát được chi phí chặt chẽ, chính xác, hiệu quả hơn, công ty nên mở sổ chi tiết TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh” thành 2 tài khoản chi tiết:

+ TK 6421 – “Chi phí bán hàng”

+TK 6422 – “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”

- Hạch toán tài khoản chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp không theo đúng quy định hiện hành

+ Công ty hạch toán phí tiền gửi ngân hàng vào tài khoản 635 là không đúng với chế độ kế toán hiện hành. Theo chế độ kế toán thì TK 635 chỉ để hạch toán tiền lãi vay và tiền chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán trước thời hạn. Vì vậy, phí tiền gửi ở ngân hàng phải được hạch toán vào TK 6428.

+ Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính không sử dụng tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng” để hạch toán. Mọi chi phí bán hàng đều phải hạch toán hết vào tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”, chi tiết tài khoản cấp hai 6421 “chi phí bán hàng”

Công ty đã hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chung vào một tài khoản chi phí bán hàng, điều này không đúng chế độ mặc dù chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh ít và không thường xuyên.

- Công tác kế toán

Doanh thu bán hàng của công ty đạt được rất cao nhưng chi phí của nó cũng rất lớn chính vì thế mà lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh chưa đạt được mục tiêu kinh doanh của công ty. Vì vậy trong những năm tiếp theo công ty cần phải giảm những chi phí không cần thiết để tăng lợi nhuận.

- Về việc trích lập dự phòng

Vì công ty là doanh nghiệp thương mại và dịch vụ tổng hợp nên các khoản phải thu của khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng đôi khi rất chậm, nhiều khách hàng còn không có khả năng thanh toán dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Nhưng công ty chưa tiến hành lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi để giảm thiểu những rủi ro trong kinh doanh. Chính vì thế làm cho chi phí kinh doanh tăng và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh trong công ty. Dưới đây là Bảng tổng hợp phải thu của khách hàng (biểu số 3.1)

Biểu số 3.1:

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (131)

Từ ngày 01/12/2011 đến 31/12/2011

Tên	Dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
Cty CP Bắc Triều			3.850.000		3.850.000	
Cty CP Đóng tàu Hoàng Gia	356.466.000			356.466.000		
Cty CP XD & TM Hưng Đạt	294.860.000		207.680.000	318.780.000	183.760.000	
Cty CP ĐT XD và DV TM Sông Hồng	102.301.000				102.301.000	
Cty CP Tấn Cường		9.257.800				9.257.800
Cty TNHH Chông ăn mòn Hoàng Long	149.567.000				149.567.000	
Cty TNHH Quý Cao		70.000.000	100.771.000		30.771.000	
Cty TNHH Thành Uy	70.356.000				70.356.000	
Cty TNHH Tài Nguyên	143.011.000				143.011.000	
Vùng I Hải Quân		10.180.293				10.180.293
CỘNG	1.116.561.000	89.438.093	312.301.000	675.246.000	683.616.000	19.438.093

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu
(đã ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(đã ký, họ tên)

Giám đốc
(đã ký, họ tên, đóng dấu)

- Áp dụng kế toán máy

Hiện nay doanh nghiệp chưa áp dụng phần hành kế toán máy, việc sử dụng máy vi tính tại công ty chủ yếu là thiết lập văn bản, chứng từ,...

3.2 Định hướng phát triển của Công ty trong năm 2011 – 2013

Đứng trước xu thế chung về sự phát triển của thời đại, các doanh nghiệp luôn đứng trước những khó khăn thử thách của nền kinh tế ví dụ như: cạnh tranh về giá cả kinh doanh, chất lượng sản phẩm, sự ưu đãi cũng như uy tín để tạo thương hiệu trên thị trường và đặc biệt là đáp ứng được những yêu cầu của khách hàng cũng như thị hiếu của người tiêu dùng. Chính vì thế mà lợi nhuận cao và an toàn trong kinh doanh luôn luôn là mục tiêu hàng đầu của các doanh nghiệp. Để đạt được những mục tiêu kinh doanh ấy mỗi doanh nghiệp cần phải có những chiến lược kinh doanh phù hợp, đáp ứng được nhu cầu thị trường. Nhìn chung tất cả các doanh nghiệp đều tìm cách chiếm lĩnh thị trường, giảm chi phí, nâng cao doanh thu để đạt được lợi nhuận cao.

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng là một công ty kinh doanh về vận tải, kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng, vật liệu xây dựng...mới hoạt động được 6 năm nhìn chung chưa thu được lợi nhuận cao. Do đó mục tiêu lợi nhuận là hàng đầu nhưng công ty cần tạo được chỗ đứng trong nền kinh tế và phát triển lâu dài mới là quan trọng. Trong những năm tiếp theo Công ty cố gắng mở rộng quy mô phát triển của công ty, xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp để thu hút được tất cả các khách hàng.

Trong doanh nghiệp công tác kế toán của công ty phải được cập nhật ghi chép đầy đủ hơn nữa và phải có sự phân công trách nhiệm cho từng cá nhân trong công ty một cách rõ ràng khoa học để phát huy được khả năng của mỗi người. Công tác kế toán đánh giá sự phát triển của công ty và qua đó đưa ra những khó khăn cần khắc phục trong kinh doanh.

3.3 Sự cần thiết và một số nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

Việc hạch toán kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất to lớn đối với bất kỳ một doanh nghiệp thương mại hay sản xuất nào. Nó quyết định sự tồn tại và phát triển của những doanh nghiệp đó trong nền kinh tế thị trường. Thêm vào đó, việc xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý phù hợp với điều kiện của Công ty có ý nghĩa quan trọng trong việc thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin cho Ban Giám đốc Công ty để lựa chọn phương án kinh doanh có hiệu quả. Chính vì vậy, việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất quan trọng và cần thiết, nó quyết định đến khả năng phát triển của Công ty.

Hạch toán kế toán là một công cụ quan trọng trong quản lý kinh tế - tài chính, do vậy đổi mới và hoàn thiện công cụ này là một nhu cầu tất yếu của quản lý, là tiền đề quan trọng trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một công tác rất cần thiết, góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh. Để những hoàn thiện có tính khoa học và khả thi cần phải đáp ứng được các yêu cầu cơ bản sau:

+ Yêu cầu kịp thời chính xác: Đòi hỏi kế toán phải cung cấp những thông tin kịp thời và chính xác nhất phục vụ cho yêu cầu quản lý cũng như trong công tác quản trị doanh nghiệp. Có đáp ứng tốt yêu cầu này mới chứng tỏ được hiệu quả công tác kế toán, tạo cơ sở để lãnh đạo công ty đưa ra các quyết định đúng đắn.

+ Yêu cầu hạch toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp trên cơ sở tôn trọng chế độ kế toán tài chính. Tức là mỗi doanh nghiệp xuất phát từ hoạt động tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh riêng cho mình, tự lựa chọn cho mình phương pháp có hiệu quả nhất đảm bảo vận dụng kinh hoạt chế độ kế toán tài chính và không vi phạm chế độ.

+ Yêu cầu tiết kiệm và nâng cao hiệu quả: Các doanh nghiệp kinh doanh đều hướng tới mục đích cuối cùng đó là lợi nhuận. Để đạt được mục đích đó, Công ty không thể bỏ qua tính khả thi và nâng cao hiệu quả của công việc.

+ Yêu cầu thống nhất: Đây là một yêu cầu cơ bản nhằm tạo ra sự thống nhất về kế toán vận dụng trong kế toán với chế độ kế toán do Nhà nước ban hành. Yêu cầu này đòi hỏi công tác kế toán phải thống nhất trên nhiều mặt như thống nhất trên hệ thống sổ kế toán, thống nhất về phương pháp hạch toán tài sản, thống nhất về các chỉ tiêu trong thông tin báo cáo tài chính. Việc tuân thủ đúng chế độ kế toán tài chính sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho Công ty cũng như về phía quản lý của Nhà nước.

Qua nghiên cứu thực trạng kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng, có thể nói kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã đạt được những kết quả tốt, phù hợp với quy mô đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên bên cạnh những mặt tích cực, quá trình hạch toán vẫn còn một số điểm vẫn chưa hoàn toàn hợp lý. Công ty cần có các biện pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

3.4 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng

Qua nghiên cứu thực trạng kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng, có thể nói kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã đạt được những kết quả tốt, phù hợp với quy mô đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên bên cạnh những mặt tích cực, quá trình hạch toán vẫn còn một số điểm vẫn chưa hoàn toàn hợp lý. Công ty cần có các biện pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán kế toán nói chung và kế toán xác định kết quả tiêu thụ nói riêng.

- Kiến nghị 1: Hoàn thiện công tác hạch toán đúng chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Việc hạch toán chi phí là rất cần thiết và đòi hỏi phải được quản lý thật rõ ràng vì nếu không sẽ bị lãng phí, làm tăng chi phí chung cho doanh nghiệp. Một trong những yêu cầu là phải hạch toán chính xác những khoản chi nào thuộc khoản chi phí nào. Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính hiện nay:

+ Mọi chi phí liên quan đến thu phí tiền gửi của ngân hàng công ty nên hạch toán vào TK 6422.

+ Tại công ty, việc hạch toán chi phí QLDN và CPBH chung vào chi phí bán hàng là một vấn đề đang tồn tại và cần giải quyết, do vậy theo em công ty cần tách riêng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Chi phí bán hàng được tập hợp vào tài khoản 6421 “Chi phí bán hàng”, chi phí QLDN được tập hợp vào tài khoản 6422 “Chi phí QLDN” như vậy sẽ đảm bảo tính chính xác và đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý chi phí, tránh lãng phí.

Ví dụ:

❖ Ngày 01/12 /2011 chi tiền cước điện thoại tháng 10, số tiền 928.390 đồng, thuế GTGT 10%, đã trả bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản vào TK 6421 “Chi phí bán hàng” như sau:

Nợ TK 6421 : 928.390

Nợ TK 133 : 92.839

Có TK 111 : 1.021.229

Sau đó kế toán tiến hành ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”, sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp và các sổ cái liên quan.

❖ Ngày 05/12/2011 công ty mua văn phòng phẩm phục vụ văn phòng, số tiền là 414.221 đồng.

Kế toán định khoản vào TK 6422 “chi phí quản lý doanh nghiệp” như sau:

Nợ TK 6422 : 414.221

Có TK 111: 414.221

- Kiến nghị 2: Hoàn thiện tổ chức vận dụng chứng từ kế toán

Việc thu thập các chứng từ kế toán của công ty cần phải được kiểm tra kỹ trước khi mình kê khai vào các tài khoản và vào các sổ sách kế toán. Các chứng từ phải được đánh số liên tục, xác minh rõ nguyên nhân những chứng từ bị huỷ tránh gian lận. Đồng thời xác minh xem nghiệp vụ đó trên thực tế có phát sinh hay không. Các chứng từ kế toán mình thu thập phải liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của công ty, ngoài ra các chứng từ không liên quan đều không hợp lệ. Công ty hoạt động kinh doanh ngành nghề vận tải; hoạt động kho vận; kinh doanh vật tư, thiết bị, máy nổ, phụ tùng, vật liệu xây dựng thì các chứng từ đầu ra và đầu vào phải liên quan đến các ngành nghề của công ty và được cơ quan quản lý doanh nghiệp chấp nhận.

- Kiến nghị 3: Hoàn thiện tổ chức vận dụng sổ sách kế toán.

Cũng như việc vận dụng các tài khoản kế toán trong công ty thì các sổ sách kế toán của công ty cũng chưa được hợp lý. Kế toán công ty không mở sổ chi tiết xác định kết quả kinh doanh mà tất cả việc xác định kết quả kinh doanh đều thực hiện trên sổ cái, cách làm này dễ dẫn tới nhầm lẫn và thiếu sót khi phản ánh và tổng hợp thông tin. Vì vậy để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty, phục vụ cho việc ghi sổ và lập báo cáo liên quan, cuối tháng kế toán nên lập “Sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh”

Bảng 3.2: Sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tháng...năm...

Diễn giải	Ghi Nợ TK 911, ghi Có các TK							Ghi Có TK 911, Ghi Nợ các TK				
	632	635	641	642	811	421	Cộng Nợ TK 911	511	515	711	421	Cộng Có TK 911
K/c giá vốn hàng bán												
K/c chi phí bán hàng												
K/c CP QLDN												
K/c doanh thu thuần												
K/c lãi, lỗ												
Cộng												

Ngoài ra công ty nên mở thêm sổ chi tiết bán hàng theo khách hàng, sổ chi tiết mua hàng theo nhà cung cấp, sổ chi tiết doanh thu . Mục đích khi mở 3 loại sổ này giúp kế toán dễ dàng theo dõi tình hình công nợ của khách hàng đối với công ty cũng như công ty đối với nhà cung cấp chặt chẽ hơn , theo dõi được doanh thu chính xác và chi tiết hơn.

Bảng 3.3: sổ chi tiết bán hàng theo khách hàng
CHI TIẾT BÁN HÀNG THEO KHÁCH HÀNG

Từ ngày:.....Đến ngày:.....

Ngày	Số	Loại	Mã hàng	Tên hàng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng trả lại	Giảm giá /Trả lại	Thuế trong doanh thu	Giá vốn
Mã khách hàng:.....Tên khách hàng:.....											
Cộng											
Tổng cộng											

Bảng 3.4: Sổ chi tiết mua hàng theo nhà cung cấp

CHI TIẾT MUA HÀNG THEO NHÀ CUNG CẤP

Từ ngày:.....Đến ngày:.....

Mã nhà cung cấp:.....Tên nhà cung cấp:.....

Ngày	Số	Loại	Mã hàng	Tên hàng	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng trả lại	Giảm giá /Trả lại
Cộng									

Bảng 3.5: Sổ chi tiết doanh thu

Bộ, Sở:

Mẫu số: S51 -H

Đơn vị:

(Ban hành theo quy định số: 999 - TC/QĐ/CĐKT
ngày 2/11/1996 của Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU (CÁC KHOẢN THU DO BÁN HÀNG)

Loại hoạt động :.....

Tên sản phẩm (hàng hoá dịch vụ) :.....

Đơn vị tính.....

Ngày tháng ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	DOANH THU BÁN HÀNG			GHI CHÚ
	Số hiệu	Ngày tháng		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8

-Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

-Ngày mở sổ :.....

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ
(Ký)

Phụ trách kế toán
(Ký)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Họ tên:.....

Họ tên:.....

Họ tên:.....

- Kiến nghị 4: Hoàn thiện công tác kế toán tại công ty

Công tác kế toán tại công ty bên cạnh những ưu điểm còn có những nhược điểm vì vậy công ty cần khắc phục trong những năm kinh doanh tới. Để đạt được mục tiêu về lợi nhuận công ty cần giảm tối đa các chi phí kinh doanh (thực trạng chi phí kinh doanh của công ty rất lớn).

- Kiến nghị 5: Về trích lập các khoản dự phòng

Để lập các khoản phải thu khó đòi, kế toán sử dụng TK 1592 - Dự phòng phải thu khó đòi và chi tiết cho từng khách hàng. Vào cuối niên độ kế toán, kế toán căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được thì phải trích lập các khoản dự phòng khó đòi.

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên.

Theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng phải thu khó đòi

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời hạn thanh toán quá hạn (t)	Mức dự phòng cần trích lập
$6 \text{ tháng} \leq t < 1 \text{ năm}$	30% giá trị nợ quá hạn
$1 \text{ năm} \leq t < 2 \text{ năm}$	50% giá trị nợ quá hạn
$2 \text{ năm} \leq t < 3 \text{ năm}$	100% giá trị nợ quá hạn

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản sử dụng TK 1592

Phương pháp hạch toán

- Cuối năm xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán phân chênh lệch vào chi phí

Nợ TK 642

Có TK 1592

- Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhiều hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm chi phí

Nợ TK 1592

Có TK 642

- Xoá nợ

Nợ TK 139

Có TK 642

Có TK 131

Có TK 138

Đồng thời ghi Nợ TK 004

- Đối với nợ khó đòi đã xử lý xoá nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 711

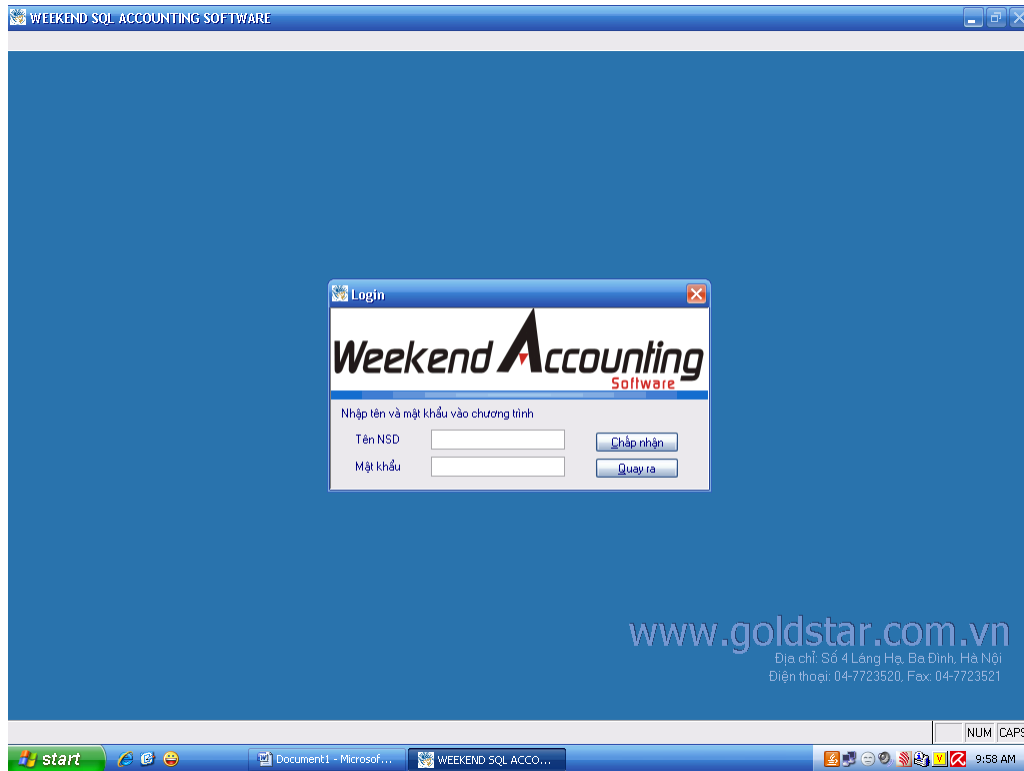
- Kiến nghị 6: Việc áp dụng kế toán máy

Với khối lượng công việc ngày một nhiều hơn đòi hỏi các nhân viên kế toán phải làm nhiều hơn, và mất nhiều thời gian hơn do đó một câu hỏi đặt ra là cần có một công cụ nào đó để có thể giảm bớt tối đa khối lượng công việc mang tính chất nghiệp vụ mà vẫn đảm bảo tính chính xác, kịp thời của thông tin kế toán. Sự phát triển của khoa học kỹ thuật đã có bước đột phá để có thể giải quyết bài toán này: đó là việc sử dụng máy vi tính với những phần mềm kế toán có tính năng rất tốt đảm bảo tính đúng đắn của công việc. Việc áp dụng kế toán máy sẽ giảm bớt tối đa khối lượng công việc, tiết kiệm được thời gian và lao động, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ.

Với thực tế tại công ty, hàng hoá của công ty khá đa dạng do vậy những sai sót là không thể tránh khỏi. Vì vậy theo em, công ty cần nghiên cứu để có thể áp dụng những phần mềm kế toán hợp lý.

Trên thị trường hiện nay có nhiều phần mềm kế toán (Effect, Misa, Weekend Accounting, Fast Accounting ...) phù hợp với doanh nghiệp vừa và nhỏ.

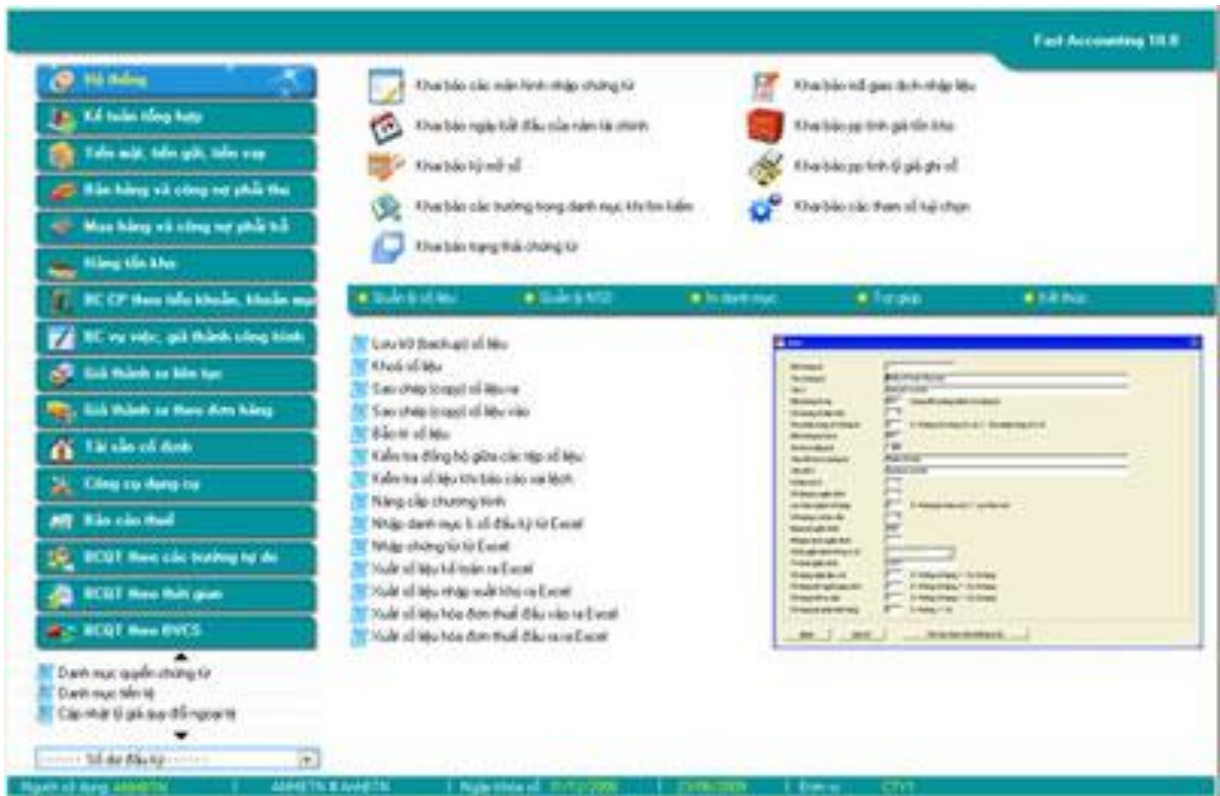
- **Phần mềm kế toán Weekend Accounting**



- **Phần mềm kế toán Fast Accounting**

Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có gần 4.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, Sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...



- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012





Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

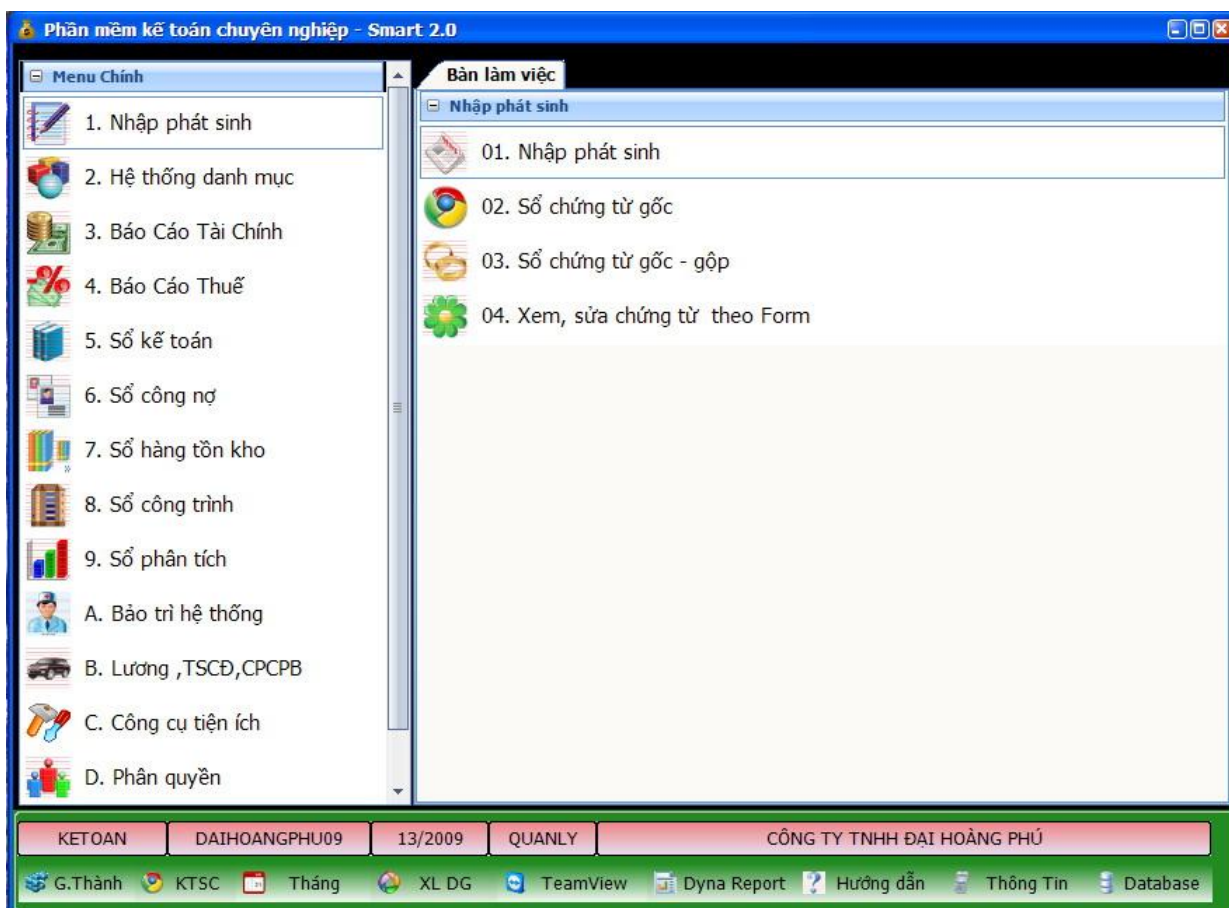
Tính năng phần mềm MISA

- Dễ tiếp cận và cài đặt, dễ sử dụng: Quy trình hạch toán bằng hình ảnh thân thiện, dễ hiểu, dễ sử dụng với phim, sách hướng dẫn và trợ giúp trực tuyến.

- Công cụ quản trị tài chính hiệu quả: Kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Cập nhật các chế độ kế toán tài chính mới nhất: Luôn cập nhật các chế độ kế toán tài chính, các thông tư hướng dẫn thuế, bảo hiểm... mới nhất.

- Phần mềm kế toán SMART 2.0



Smart 2.0 phù hợp với các Công ty **XÂY DỰNG, SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ**, doanh nghiệp vừa và nhỏ, tổng công ty hoặc liên hiệp các xí nghiệp quản lý trực tiếp hai cấp (cấp tổng công ty và công ty thành viên). Đối với các công ty làm dịch vụ kế toán thì Smart hỗ trợ chức năng tạo nhiều Database nên rất thuận lợi để làm nhiều công ty trên một phần mềm, mỗi công ty là 1 Database độc lập, số Database tạo không hạn chế.

Tính năng phần mềm Smart 2.0

- **Xử lý số liệu tốc độ nhanh**, chính xác bằng việc áp dụng công nghệ xử lý SQL Server và Visual Basic.NET, có thể chạy nhiều máy trên mạng LAN, có chức năng lưu dữ liệu sang 1 file khác để dự phòng và khôi phục dữ liệu khi bị mất.

- Cập nhật **báo cáo thuế, báo cáo tài chính qua HTTK 2.1**, theo dõi và tính thuế GTGT đầu vào, đầu ra.

- **Giao diện dễ nhìn, thao tác ngắn gọn** và thực hiện được nhiều việc mà những phần mềm khác không thể làm được:

- **In báo cáo, sổ sách theo quyết định mới nhất của bộ tài chính, theo HTKK 2.1**

Nhìn chung công tác kế toán của công ty khá hợp lý chỉ cần điều chỉnh để hoàn thiện tốt hơn.

KẾT LUẬN

Ngày nay, với sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế, sự chuyên môn hoá trong các hoạt động ngày càng sâu sắc. Kinh doanh thương mại đã khẳng định được vị trí không thể thiếu trong nền kinh tế chứ không đơn thuần chỉ là một hoạt động hỗ trợ cho các nhà sản xuất như trước kia. Lĩnh vực này đã là cầu nối nền kinh tế của một quốc gia nói riêng và của thế giới nói chung thành một khối thị trường thống nhất, vì vậy mà người ta không ngừng tìm kiếm và hoàn thiện hơn nữa các công cụ quản lý nhằm phát huy được hết thế mạnh của ngành này.

Trong điều kiện nền kinh tế nước ta chuyển sang nền kinh tế hàng hoá có sự tham gia của nhiều thành phần. Với nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, thì việc hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh càng có ý nghĩa quan trọng, giúp người quản trị doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn trong việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Dưới góc độ là sinh viên kế toán, em nghĩ rằng không những nắm vững về mặt lý luận mà còn hiểu sâu sắc về thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả kế toán.

Qua quá trình học tập ở nhà trường và thời gian thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng, là đi đôi với việc học tập nghiên cứu lý luận thì việc tìm hiểu thực tế cũng là một giai đoạn hết sức quan trọng không thể thiếu được. Mặt khác, thời gian thực tập còn tạo điều kiện cho em hiểu đúng hơn, sâu sắc hơn những kiến thức mình đã có, bổ sung thêm những kiến thức mới đã qua công tác thực tế.

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng và viết chuyên đề tốt nghiệp. Được sự hướng dẫn chỉ bảo tận tình, tận tâm của Ths. Trần Thị Thu Hà, các anh chị trong cơ quan. Đặc biệt là phòng kế toán Công ty, em đã hoàn thành bài viết với đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng”.

Trong bài viết này, em cũng mạnh dạn trình bày một số ý kiến với nguyện vọng để công ty tham khảo, nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu,

chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty. Em hy vọng rằng trong thời gian không xa, công ty sẽ đạt được nhiều thành tích hơn nữa.

Do trình độ và kiến thức bản thân còn hạn chế, nên trong bài viết này không thể tránh khỏi những sai sót và hạn chế nhất định. Em rất mong nhận được sự giúp đỡ, đóng góp, chỉ bảo của các thầy cô giáo và các anh chị đề chuyên đề của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin cảm ơn thầy cô giáo đã dạy bảo tận tình, em xin chân thành cảm ơn sự tận tâm, nhiệt tình của cô giáo Ths. Trần Thị Thu Hà, sự giúp đỡ của các anh chị trong phòng Kế toán tài chính ở Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng đã giúp em hoàn thành chuyên đề này!

Em xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế toán tài chính (NXB Thống Kê)
2. Giáo trình Kế toán tài chính – Trường Đại học Tài chính – Kế toán HN
3. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng Bộ Tài Chính
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1 và quyển 2)
5. Lý thuyết và thực hành kế toán (NXB Tài Chính Hà Nội)
6. Các sổ sách, chứng từ kế toán tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ tổng hợp Thanh Tùng
7. Các khoá luận năm trước
8. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (TS. Phạm Duy Đoàn – NXB Tài Chính)